

Số 03-2018 (15)

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN TỈNH LÂM ĐỒNG



- ✿ Quy hoạch chế biến rượu, nước trái cây đặc trưng tỉnh Lâm Đồng
- ✿ Phát triển thương mại điện tử ở Lâm Đồng
- ✿ Quản lý chất lượng, đo lường và ghi nhãn hàng hóa đối với kinh doanh khí
- ✿ Phát triển du lịch gắn với nông nghiệp bền vững - thực trạng và giải pháp tại Lâm Đồng



KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

Số 03-2018

TRONG SỐ NÀY

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG - TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN
Địa chỉ: Số 35 Trần Hưng Đạo - Đà Lạt - Điện thoại: 0263.3545479 - 0263.3833163 - Email: trungtamthongtin@lamdongdost.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Đỗ Minh Ngọc

Biên tập
Ngô Đình Văn Châu
Trần Vũ Uyên Phương
Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Phạm Thị Nhâm

Trình bày:
Trung tâm Thông tin
và Thống kê KHCN

Ảnh bìa:
Trần Trọng Nghĩa
Nông trại Trà Long Đình

CHÍNH SÁCH - ĐỊNH HƯỚNG

- 1 Quy hoạch chế biến rượu, nước trái cây đặc trưng tỉnh Lâm Đồng
- 4 **Nguyễn Thị Lệ Hường** - Phát triển thương mại điện tử ở Lâm Đồng
- 5 **Nguyễn Tú Uyên** - Quản lý chất lượng, đo lường và ghi nhãn hàng hóa đối với kinh doanh khí
- 6 **Dương Thị Lệ Quyên** - Kết quả kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hoá lưu thông trên thị trường
- 7 **Vũ Đức Cường** - Công tác kiểm dịch thực vật nội địa 6 tháng đầu năm 2018 tại Lâm Đồng
- 8 Hồ sơ, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng cho ươm tạo công nghệ
- 9 Quy định mới về hoạt động tư vấn, đánh giá, đào tạo theo TCVN ISO 9001:2015
- 9 **Nguyễn Thị Thùy** - Tập huấn Vietgap cho tổ hợp tác "Sản xuất theo chuỗi giá trị cây Atiso"
- 10 **Lê Thị Thanh Nga** - Phát triển du lịch gắn với nông nghiệp bền vững - thực trạng và giải pháp tại Lâm Đồng

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

- 12 **Nguyễn Tú Uyên** - Đánh giá hiệu quả áp dụng hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất tại các doanh nghiệp tham gia dự án nâng cao năng suất chất lượng giai đoạn 2016-2018
- 13 **Đoàn Mạnh Trình** - Công ty TNHH XNK cà phê Tám Trình ứng dụng nông nghiệp hữu cơ theo tiêu chuẩn sạch 4c, organic cho cà phê
- 14 Tin cảnh báo từ các nước thành viên WTO
- 16 Công nghệ mới, sản phẩm mới

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI

- 17 **Phạm Thị Song Ngân** - Công nghệ xử lý hoa Lily sau thu hoạch

DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

- 19 **Phạm Văn Trung** - Thực hiện quy tắc xuất xứ để hưởng lợi từ các hiệp định thương mại tự do (FTA)
- 21 Danh mục nhiệm vụ hỗ trợ về khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp đợt 1 năm 2018
- 23 Chủ động ứng phó với thách thức về phòng vệ thương mại xuất khẩu



QUY HOẠCH CHẾ BIẾN RƯỢU, NƯỚC TRÁI CÂY ĐẶC TRƯNG TỈNH LÂM ĐỒNG

Ngày 26/4/2018, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ký Quyết định số 780/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch chế biến rượu, nước trái cây trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Mục tiêu

1. Đẩy mạnh ngành công nghiệp chế biến của tỉnh, trong đó tập trung phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, đồ uống. Cung cấp cơ sở để định hướng phát triển lĩnh vực sản xuất rượu, nước trái cây đặc trưng; xác định nhiệm vụ hàng năm của ngành công thương, các Sở, ngành, địa phương.

2. Định hướng phát triển sản xuất, chế biến rượu, nước trái cây đặc trưng của tỉnh Lâm Đồng phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển công nghiệp, phát triển công nghiệp chế biến nông sản của tỉnh, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo nguồn thu ngân sách nhà nước của địa phương.

3. Quản lý và kiểm soát chất lượng, thương hiệu an toàn vệ sinh thực phẩm, chống hàng giả, hàng kém chất lượng của các hoạt động chế biến rượu, nước trái cây đặc trưng trên địa bàn tỉnh.

4. Quy hoạch là căn cứ nhằm kêu gọi các dự án đầu tư, nhà máy chế biến rượu công nghiệp, nước trái cây đặc trưng, tạo thế mạnh cho tỉnh Lâm Đồng.

Nội dung

1. Quy hoạch chế biến rượu đặc trưng

- Tăng tỷ trọng rượu sản xuất công nghiệp như rượu vang, rượu chát, nghiên cứu phát triển rượu Atisô và các loại rượu quả; đảm bảo đáp ứng nhu cầu rượu cao cấp, an toàn cho nhân dân, kiểm soát tốt chất lượng sản xuất công nghiệp, thủ công.

- Giai đoạn 2020-2025: tốc độ tăng trưởng bình quân đối với sản phẩm rượu vang, rượu chát, rượu Atisô đạt khoảng 4,56%.

- Giai đoạn 2025-2030: tốc độ tăng trưởng bình quân đối với sản phẩm rượu vang, rượu chát, rượu Atisô đạt khoảng 7,18%.

- Tăng sản lượng sản xuất: năm 2020, dự kiến sản lượng rượu vang, rượu chát đạt khoảng 12 triệu lít/năm; rượu Atisô đạt khoảng 2 triệu lít/năm. Năm 2025, dự kiến sản lượng rượu vang,

rượu chát đạt khoảng 15 triệu lít/năm; rượu Atisô đạt khoảng 2,5 triệu lít/năm. Năm 2030, dự kiến sản lượng rượu vang, rượu chát đạt khoảng 21,2 triệu lít/năm; rượu Atisô đạt khoảng 3,5 triệu lít/năm.

- Tập trung củng cố, phát huy các thương hiệu rượu vang của tỉnh Lâm Đồng theo hướng phát triển bền vững, giữ vững vị thế thương hiệu rượu vang hàng đầu Việt Nam; đồng thời, tiếp tục xây dựng các thương hiệu rượu mới có chất lượng.

2. Quy hoạch chế biến nước trái cây đặc trưng

- Ưu tiên sử dụng tối đa nguyên liệu tại địa phương, nâng cao năng lực sản xuất nước trái cây, nước ép chất lượng cao từ trái cây đặc trưng của tỉnh Lâm Đồng. Tăng cường liên kết, củng cố, phát triển đầu tư nâng cấp các cơ sở hiện hữu; hình thành các chuỗi liên kết vùng nguyên liệu, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, các nhà máy sản xuất tiên tiến, quy mô công nghiệp để có điều kiện tập trung đầu tư, ứng dụng công nghệ hiện đại, đảm bảo các điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất cũng như nâng cao khả năng cạnh tranh.

- Giai đoạn 2020-2025: tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khoảng 7,62%. Giai đoạn 2025-2030: tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khoảng 5,69%.

- Tăng sản lượng sản xuất: năm 2020, dự kiến sản lượng nước trái cây đạt khoảng 6,6 triệu lít/năm. Năm 2025, dự kiến đạt khoảng 9,5 triệu lít/năm. Năm 2030, dự kiến đạt khoảng 13,3 triệu lít/năm.

Các giải pháp thực hiện

1. Giải pháp phát triển vùng nguyên liệu

a) Khuyến khích các doanh nghiệp chủ động xây dựng vùng nguyên liệu chuyên canh tập trung có chất lượng cao, ổn định, lâu dài trên cơ sở liên kết chặt chẽ với các nhà khoa học, hộ nông dân, chính quyền địa phương. Ưu tiên phát triển vùng nguyên liệu có áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong chọn giống, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản, sơ chế để có năng suất



cao, chất lượng phù hợp yêu cầu chế biến của ngành. Đẩy mạnh công tác thăm dò, đánh giá chất lượng đất trồng và nguồn nước trên địa bàn tỉnh;

b) Khuyến khích liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp, hiệp hội, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp ở các địa phương khác để học nghề và bao tiêu sản phẩm trên cơ sở khai thác nguồn nguyên liệu nông sản của địa phương;

c) Thúc đẩy ký kết hợp tác liên vùng với tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển vùng trồng nho chuyên canh, đảm bảo ổn định sản lượng, chất lượng nguồn nguyên liệu;

d) Nghiên cứu, cải tạo, phát triển giống; mở rộng diện tích canh tác; tăng năng suất, chất lượng cây Atisô đặc trưng của tỉnh để phát triển các sản phẩm Atisô, dược liệu, đảm bảo nhu cầu cho các nhà máy sản xuất rượu Atisô theo định hướng của tỉnh;

e) Đẩy mạnh triển khai thực hiện lồng ghép các giải pháp hỗ trợ về vốn đầu tư, thông tin công nghệ, hướng dẫn nông dân thực hiện sản xuất sạch, theo quy trình sản xuất khoa học, an toàn... để tăng năng suất, chất lượng và số lượng, đặc biệt đối với các loại trái cây đặc trưng như chanh dây, dứa Cayenne, dâu tằm, dâu tây,...

2. Giải pháp phát triển thị trường, xúc tiến thương mại

a) Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở sản xuất xây dựng trang web để quảng bá hình ảnh và sản phẩm. Tăng cường hoạt động của website Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng; kết nối với website các ngành trong tỉnh và các địa phương đang là thị trường lớn;

b) Thúc đẩy hợp tác chặt chẽ với Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Huế, Đà Nẵng,... để tổ chức các kênh phân phối rượu, nước trái cây chất lượng vào các siêu thị, trung tâm thương mại, chợ. Duy trì, phát triển quan hệ lâu dài với các đối tác ở những thị trường xuất khẩu hiện có, đồng thời chú trọng mở rộng thị trường mới có tiềm năng;

c) Tiếp tục triển khai công tác hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm, mở rộng thị trường thông qua hoạt động tổ chức hội chợ, triển lãm... Bên cạnh đó, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, tham gia ứng dụng công nghệ thông tin để quảng bá và phát triển thương mại điện tử với các sản phẩm rượu và nước trái cây đặc trưng, chủ lực của tỉnh.

3. Giải pháp về công nghệ, thiết bị

a) Xây dựng các chương trình hỗ trợ khuyến nông, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và

các tiêu chí quản lý chất lượng nhằm cung cấp nguyên liệu đầu vào tốt nhất để sản xuất các sản phẩm rượu, nước trái cây đặc trưng của tỉnh;

b) Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư thêm các phòng thí nghiệm để đo lường, kiểm tra, thẩm định chất lượng sản phẩm xuất, nhập khẩu theo các quy chuẩn phù hợp với cam kết quốc tế;

c) Khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động sáng kiến và đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị để cơ giới hóa và tự động hóa dây chuyền chế biến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Đặc biệt chú trọng khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin vào quy trình sản xuất và phân phối sản phẩm.

4. Giải pháp xây dựng thương hiệu

a) Tiếp tục chú trọng đến công tác xây dựng thương hiệu và bảo hộ sở hữu thương hiệu cho các sản phẩm rượu, nước trái cây đặc trưng. Đặc biệt chú trọng hỗ trợ xây dựng thương hiệu theo các tiêu chí đặc điểm về chất lượng, chỉ dẫn địa lý... Hỗ trợ và nâng cao công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng nhằm giữ vững và phát huy thương hiệu đối với các sản phẩm đã có thương hiệu như “Vang Đà Lạt”, “Chateau Dalat”, “Vang Langbian”, nước ép Dâu tây, Dâu tằm;

b) Khuyến khích các doanh nghiệp xuất khẩu trong tỉnh đăng ký sử dụng thương hiệu quốc gia và thương hiệu với các sản phẩm đã tạo được uy tín trên thị trường. Khuyến khích xây dựng thương hiệu riêng đối với các doanh nghiệp có tiềm lực mạnh, trình độ công nghệ hiện đại, xây dựng được hệ thống quản lý an toàn thực phẩm HACCP từ khâu trồng trọt, xử lý nguyên liệu... đến khâu đóng gói và phân phối cho khách hàng;

c) Nâng cao nhận thức, niềm tự hào của các doanh nghiệp và người dân Lâm Đồng về xây dựng và bảo vệ thương hiệu sản phẩm rượu, nước trái cây của tỉnh; nâng cao nhận thức và khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất quản lý theo quy trình, tiêu chuẩn ISO ngành, hàng... nhằm đảm bảo chất lượng và giữ vững thương hiệu trên thị trường;

d) Đối với những cơ sở, doanh nghiệp nhỏ, khuyến khích xây dựng thương hiệu thông qua chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ. Hỗ trợ thành lập các đơn vị sản xuất theo quy mô công nghiệp, công nghệ tiên tiến, đảm bảo an toàn thực phẩm nhằm giữ vững và phát huy truyền thống thương hiệu rượu, nước trái cây của tỉnh Lâm Đồng;

e) Tăng cường giám sát bảo hộ thương hiệu, nhãn mác, kiểu dáng, mẫu mã sản phẩm; đấu tranh chống hàng nhái, hàng giả để bảo vệ quyền lợi cho doanh nghiệp và người tiêu dùng.



5. Giải pháp quản lý nhà nước

a) Tạo môi trường kinh doanh, sản xuất thuận lợi và bình đẳng cho các nhà đầu tư như: cơ sở hạ tầng, hỗ trợ đào tạo nghề, quản lý tốt thị trường....

b) Tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát gian lận trong thương mại, tránh thất thu thuế, nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đặc biệt là sản phẩm rượu, nước trái cây được sản xuất thủ công. Tổ chức thực hiện nghiêm Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

c) Củng cố, phát huy vai trò của Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng làm cầu nối giữa các doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước trong quản lý ngành; tăng cường mối quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành trong nước và trên thế giới.

6. Giải pháp nguồn nhân lực

a) Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng lao động qua đào tạo tại các đơn vị dạy nghề tại địa phương. Thúc đẩy việc chuẩn hóa các cơ sở đào tạo nghề hiện có liên kết với các trường đại học, cao đẳng, trường nghề... trong vùng để có thể đào tạo nguồn lao động có tay nghề, theo nhu cầu phát triển mới hoặc chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;

b) Ưu tiên hỗ trợ các chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề cho đội ngũ nhân công chế biến rượu, nước trái cây của các cơ sở; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý các cấp trong lĩnh vực sản xuất rượu, nước trái cây đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường.

7. Giải pháp tài chính

a) Ưu tiên thực hiện các giải pháp hỗ trợ về tài chính cho các dự án đầu tư mới theo hướng ứng dụng các công nghệ hiện đại và các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị sản xuất cho các cơ sở hiện có, trong lĩnh vực chế biến rượu, nước trái cây đặc trưng.

b) Vốn ngân sách nhà nước: ưu tiên thực hiện công tác khuyến công nhằm thúc đẩy áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất các nguyên liệu rượu và trái cây chủ lực, đặc trưng của tỉnh.

c) Chú trọng huy động vốn từ nhà đầu tư trong và ngoài nước, vốn từ người dân: khuyến khích liên kết giữa doanh nghiệp và người dân để đầu tư, sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với từng sản phẩm rượu, nước trái cây nhằm nâng cao chất lượng và tăng lợi nhuận cho người dân, doanh nghiệp. ■

DANH MỤC DỰ ÁN NGOÀI NGÂN SÁCH ƯU TIÊN KÊU GỌI ĐẦU TƯ

(Theo Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt Quy hoạch chế biến rượu, nước trái cây đặc trưng tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Công suất/ Quy mô	Nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Giai đoạn đầu tư
1	Đầu tư nâng công suất các cơ sở chế biến rượu và nước trái cây đặc trưng	Đà Lạt, Đức Trọng, Đơn Dương	Ước tính nâng công suất lên thêm 7 triệu lít/năm.	Theo dự án, ước tính khoảng 45-65 tỷ đồng	2016-2020
2	Xây mới Nhà máy chế biến đồ uống có cồn và không cồn	Cụm công nghiệp Phát Chi, Đà Lạt	Khoảng 9,380 m ² .	Theo dự án, ước tính khoảng 40-60 tỷ	2016-2020
3	Đầu tư nâng cao công nghệ tại các cơ sở chế biến rượu và nước trái cây đặc trưng	Đà Lạt, Đức Trọng, Đơn Dương	Ước tính nâng công suất lên thêm 5 triệu lít/năm.	Theo dự án, ước tính khoảng 50-70 tỷ đồng	2020-2025
4	Xây mới Nhà máy chế biến rượu và nước trái cây	Cụm công nghiệp Phát Chi, Đà Lạt hoặc Ka Đô, Đơn Dương	Ước tính công suất từ 3 triệu lít rượu và 3 triệu lít nước trái cây.	Theo dự án, ước tính khoảng 60-80 tỷ đồng	2020-2025
5	Đầu tư nâng cao công nghệ tại các cơ sở chế biến rượu và nước trái cây đặc trưng	Tùy dự án	Ước tính nâng công suất lên thêm 4 triệu lít/năm.	Theo dự án, ước tính khoảng 70-90 tỷ đồng	2020-2025
6	Xây mới Nhà máy chế biến nước trái cây	Tùy dự án	Ước tính công suất khoảng 3 triệu lít nước trái cây.	Theo dự án	2020-2025
7	Nghiên cứu phát triển sản phẩm và đầu tư dây chuyền/ nhà máy sản xuất, chế biến rượu Atisô	Đức Trọng, Đà Lạt	Kỳ vọng công suất khoảng 1-3 triệu lít/năm.	Theo dự án, ước tính khoảng 7-30 tỷ đồng	2020-2025



PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ Ở LÂM ĐỒNG

NGUYỄN THỊ LỆ HƯỜNG

Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng

Tình hình ứng dụng thương mại điện tử tại tỉnh Lâm Đồng

Hiện nay, mức độ phát triển thương mại điện tử của các tỉnh, thành phố đang được đánh giá dựa trên 4 tiêu chí:

- Nguồn nhân lực và hạ tầng cho thương mại điện tử;
- Mức độ giao dịch thương mại điện tử giữa doanh nghiệp và người tiêu dùng (B2C);
- Mức độ giao dịch giữa doanh nghiệp và doanh nghiệp (B2B);
- Mức độ giao dịch giữa chính phủ và doanh nghiệp (G2B).

Theo Báo cáo Chỉ số Thương mại điện tử Việt Nam năm 2018 do Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam công bố, trong tổng số 54 tỉnh, thành được điều tra, tỉnh Lâm Đồng xếp thứ 24/54 về Chỉ số phát triển thương mại điện tử chung, trong đó xếp thứ 13/54 về nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ thông tin; 49/54 về mức độ giao dịch thương mại điện tử giữa doanh nghiệp và người tiêu dùng; 18/54 về mức độ giao dịch giữa doanh nghiệp và doanh nghiệp; 36/54 về mức độ giao dịch giữa chính phủ và doanh nghiệp.

Như vậy, Lâm Đồng đang thuộc nhóm các tỉnh có mức độ phát triển trung bình về thương mại điện tử trong cả nước; là tỉnh dẫn đầu trong 5 tỉnh Tây Nguyên.

Việc kiểm soát tình hình kinh doanh trực tuyến

Căn cứ Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử, Bộ Công Thương chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về thương mại điện tử. UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về thương mại điện tử.

Các thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thương mại điện tử trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ các quy định về giao kết hợp đồng trong thương mại điện tử; hoạt động của website thương mại điện tử bán hàng, sàn giao dịch thương mại điện tử, website khuyến mại trực tuyến được quy định tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP.

Ngoài ra, các hoạt động thương mại điện tử còn phải tuân thủ các quy định liên quan như các hoạt động thương mại thông thường khác trong các lĩnh vực: hoạt động tài chính, viễn thông, quảng cáo, công nghệ thông tin, thương mại,...

Để triển khai thực hiện tốt các quy định về thương mại điện tử và kiểm soát tình hình kinh doanh trực tuyến trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, hàng năm, Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng đã chỉ đạo Thanh tra Sở, Chi cục Quản lý thị trường thường xuyên theo

dõi, kiểm tra các đơn vị có website bán hàng và các sàn giao dịch thương mại điện tử có đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Qua đó, nắm bắt tình hình và có các biện pháp hỗ trợ phù hợp.

Định hướng phát triển thương mại điện tử trong thời gian tới

Thương mại điện tử là xu thế tất yếu mà không một quốc gia nào có thể đứng ngoài. Trong Chiến lược tổng thể về hội nhập quốc tế đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 07/01/2016 đã nhận định kinh tế mạng (hay kinh tế kỹ thuật số) là một trong những hình thái kinh tế mới sẽ được định hình trong thập kỷ tới.

Tại Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020 đã xác định: xây dựng và triển khai đồng bộ các giải pháp để phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh phù hợp với tình hình phát triển chung của cả nước; đưa thương mại điện tử trở thành hoạt động phổ biến; góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Lâm Đồng trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Với chức năng, nhiệm vụ được giao, trong thời gian qua, Sở Công Thương Lâm Đồng đã triển khai nhiều chương trình hỗ trợ doanh nghiệp như: tổ chức các lớp tập huấn kiến thức chung về thương mại điện tử, đào tạo về kỹ năng sử dụng các công cụ marketing online, phối hợp với Văn phòng Sàn giao dịch quốc tế Alibaba tại Việt Nam để hướng dẫn các doanh nghiệp tiếp cận thị trường thế giới,... Trong năm 2018, Sở đang phối hợp với Cục Thương mại điện tử và kinh tế số thuộc Bộ Công Thương triển khai các đề án xây dựng cổng thông tin doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng và hỗ trợ các doanh nghiệp tiêu biểu tham gia các sàn giao dịch uy tín trong nước và quốc tế như Sen đỏ (sendo), Lazada, hoặc Alibaba.

Qua phân tích, Sở Công Thương nhận thấy vai trò của nguồn nhân lực rất quan trọng và có mối quan hệ tỷ lệ thuận với mức độ phát triển thương mại điện tử. Do đó, trong thời gian tới, Sở Công Thương sẽ tiếp tục phối hợp với Cục Phát triển thương mại điện tử và Kinh tế số và các đơn vị liên quan triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử cùng với các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, đào tạo để nâng cao nghiệp vụ về thương mại điện tử. Ngoài ra, Sở Công Thương cũng sẽ triển khai áp dụng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phấn đấu tăng số lượng các thủ tục hành chính được thực hiện ở mức độ 4 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi đến giao dịch. ■



QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG, ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHÃN HÀNG HÓA ĐỐI VỚI KINH DOANH KHÍ

NGUYỄN TÚ UYÊN

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng

Ngày 15/6/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 87/2018/NĐ-CP về kinh doanh khí, Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2018; trong đó quy định về quản lý đo lường, chất lượng đối với kinh doanh khí như sau:

- Thương nhân chỉ được nhập khẩu, lưu thông, tiêu thụ các loại khí đảm bảo chất lượng theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn công bố áp dụng.

- Thương nhân có hoạt động kinh doanh khí phải tuân thủ các quy định về quản lý đo lường, chất lượng khí trong quá trình kinh doanh khí.

- Đối với các loại khí chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, thương nhân nhập khẩu, sản xuất, chế biến khí phải bảo đảm chất lượng khí theo tiêu chuẩn công bố áp dụng (tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế).

- Sản phẩm khí sau khi pha chế phải phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng đã công bố.

Đối với các thương nhân có trạm nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào chai: đảm bảo nạp LPG vào chai đủ khối lượng, chất lượng LPG phù hợp với thông tin công bố trên nhãn hàng hóa, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn chất lượng do thương nhân sản xuất, chế biến, xuất, nhập khẩu đã công bố theo quy định của pháp luật. Đồng thời, phải xây dựng, áp dụng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng đối với sản phẩm khí; đây là điểm mới của Nghị định số 87/2018/NĐ-CP so với Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 về kinh doanh khí.

Đối với các cửa hàng bán lẻ LPG chai: chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng chai LPG bán cho khách hàng. Các chai LPG khi bán cho khách hàng phải còn nguyên niêm phong, tuyệt đối kín, bảo đảm chất lượng, khối lượng và nhãn mác đã đăng ký.

Ghi nhãn hàng hóa: theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của



Chính phủ về nhãn hàng hóa, đối với chai LPG khi lưu thông trên thị trường phải ghi nhãn đầy đủ theo các nội dung sau:

- Tên hàng hóa;
- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa;
- Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện đóng chai, trên nhãn phải ghi tên, địa chỉ của tổ chức đóng chai; ghi tên, địa chỉ và các nội dung khác của tổ chức, cá nhân sản xuất ra hàng hóa trước khi đóng chai sau khi được tổ chức, cá nhân này cho phép;
- Định lượng;
- Thành phần;
- Thông tin, cảnh báo;
- Hướng dẫn sử dụng, bảo quản.

Từ ngày 25/7 đến 01/8/2018, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng đã thực hiện kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường và ghi nhãn hàng hóa của 4 trạm nạp LPG vào chai trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Kết quả, có 2/4 doanh nghiệp chấp hành tốt các quy định về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và ghi nhãn hàng hóa; 2/4 doanh nghiệp thực hiện chưa đúng các quy định về ghi nhãn hàng hóa. Chi cục đã thông báo tạm dừng lưu thông hàng hóa để khắc phục và hướng dẫn doanh nghiệp ghi nhãn đúng quy định. ■



KẾT QUẢ KIỂM TRA VỀ TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ LƯU THÔNG TRÊN THỊ TRƯỜNG

DƯƠNG THỊ LỆ QUYÊN

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng

Trước đó, ngày 10-18/7/2018, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng đã phối hợp với phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, phòng Kinh tế thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc tiến hành kiểm tra 17 cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG) đang hoạt động trên địa bàn tỉnh. Kết quả như sau:

1. Về hồ sơ pháp lý

Các cơ sở đã xuất trình được hồ sơ liên quan đến hoạt động kinh doanh LPG như: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh LPG cho cửa hàng bán LPG chai, hợp đồng đại lý kinh doanh LPG với đơn vị cung cấp dầu mồi,...

2. Về nhãn hàng hoá

Tiến hành kiểm tra việc thực hiện ghi nhãn 321 sản phẩm LPG chai với các nhãn hiệu V-GAS, VT-GAS, Saigon Petro, Hoàng Ân Petro, ELF GAS, H-GAS, A-GAS, Total Gas, PV-GAS, Miss Gas. Kết quả các sản phẩm ghi nhãn đúng quy định; trên nhãn có thể hiện tiêu chuẩn công bố áp dụng và gắn dấu CR.

3. Về chất lượng

Đoàn kiểm tra không lấy mẫu để thử nghiệm đánh giá chất lượng các sản phẩm LPG tại các cơ sở. Kiểm tra việc lưu giữ hồ sơ chất lượng, kết quả 17/17 cơ sở không lưu giữ hồ sơ chất lượng đối với các sản phẩm LPG đang kinh doanh tại cửa hàng.

4. Về đo lường

Đoàn kiểm tra lấy 17 mẫu sản phẩm LPG chai (6 mẫu nhãn hiệu VT-GAS; 4 mẫu nhãn hiệu V-GAS; 7 mẫu gồm các nhãn hiệu Saigon Petro, Hoàng Ân Petro, H-GAS, A-GAS, Total Gas, PV-GAS, Miss Gas loại 12 kg và 1 mẫu ELF GAS loại 12,5 kg) để kiểm tra về đo lường. Qua kiểm tra, tất cả các mẫu đều đạt yêu cầu.

Mặc dù, các mẫu có sai số phù hợp với sai số cho phép nhưng 4 mẫu nhãn hiệu V-GAS, 1 mẫu Hoàng Ân Petro có giá trị trung bình gần vượt ngưỡng sai số cho phép; hầu hết các bình LPG được kiểm tra có trọng lượng LPG nhỏ hơn (từ 0,04-0,12 kg) so với trọng lượng LPG được công bố trên nhãn hàng hoá.

Nhìn chung, các cơ sở kinh doanh LPG trên địa bàn tỉnh đã chấp hành tương đối tốt các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các cơ sở này chưa thực hiện việc lưu giữ hồ sơ chất lượng theo đúng quy định. Chi cục đã tiến hành nhắc nhở và yêu cầu các đơn vị thực hiện việc lưu giữ hồ sơ chất lượng theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, một số mẫu có sai số phù hợp với sai số cho phép nhưng giá trị trung bình của mẫu gần vượt ngưỡng sai số cho phép; hầu hết các bình LPG được kiểm tra có trọng lượng LPG thực tế nhỏ hơn so với trọng lượng LPG được công bố trên nhãn hàng hoá nên có nguy cơ gây thiệt hại cho người tiêu dùng.

Thực hiện kế hoạch kiểm tra của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nhân dịp Tết trung thu năm 2018, từ ngày 28/8-07/9/2018, Chi cục đã phối hợp với phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện và phòng Kinh tế thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc tiến hành kiểm tra 29 cơ sở kinh doanh mũ bảo hiểm, thiết bị điện - điện tử, đồ chơi trẻ em trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Qua kiểm tra đã phát hiện 2 cơ sở vi phạm về nhãn hàng hoá, 1 cơ sở kinh doanh đồ chơi trẻ em mang tính chất bạo lực như súng bắn đạn, súng bắn tên, cung tên,... Kết quả kiểm tra cụ thể như sau:

- **Về ghi nhãn hàng hoá:** kiểm tra việc thực hiện ghi nhãn hàng hoá và gắn dấu hợp quy CR của 1.280 sản phẩm. Kết quả có 1.208 sản phẩm ghi nhãn đúng quy định; 72 sản phẩm (gồm 2 nồi cơm điện hiệu Koho, 2 máy xay đa năng hiệu Kenwood, 68 loại đồ chơi trẻ em) của 2 cơ sở vi phạm về nhãn hàng hoá do thiếu nhãn và dấu CR trên sản phẩm.

- **Về chất lượng:** tiến hành kiểm tra việc lưu giữ hồ sơ chất lượng của các cơ sở. Kết quả có 5 cơ sở không thực hiện, 5 cơ sở thực hiện lưu giữ hồ sơ chất lượng chưa đầy đủ theo quy định. Đoàn kiểm tra đã lấy 26 mẫu thiết bị điện để kiểm tra nhanh về an toàn điện; 75 mẫu đồ chơi trẻ em để kiểm tra nhanh về chất lượng. Kết quả, tất cả các mẫu kiểm tra nhanh đều đạt yêu cầu về an toàn điện và chất lượng.

Đoàn kiểm tra đã yêu cầu 2 cơ sở vi phạm về nhãn hàng hoá tạm dừng lưu thông các sản phẩm thiếu nhãn; thông báo tạm dừng lưu thông, yêu cầu khắc phục đối với lô hàng hoá vi phạm về ghi nhãn hàng hoá. Hiện 2 cơ sở trên đã thực hiện khắc phục theo đúng yêu cầu.



Bên cạnh đó, Đoàn kiểm tra đã tịch thu tiêu hủy 11 sản phẩm đồ chơi trẻ em bạo lực (gồm súng bắn đạn, súng bắn tên, cung tên, dao găm) của 1 cơ sở kinh doanh đồ chơi trẻ em và nhắc nhở cơ sở không được kinh doanh các hàng hoá đồ chơi trẻ em bị cấm; nhắc nhở và yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện việc lưu giữ hồ sơ chất lượng đúng quy định.

Nhìn chung, hầu hết các đơn vị đã có ý thức chấp hành tương đối tốt các quy định trong kinh doanh thiết bị điện - điện tử, mũ bảo hiểm, đồ chơi trẻ em.

Tuy nhiên, vẫn còn một số cơ sở chưa thực hiện lưu giữ hồ sơ chất lượng, thực hiện ghi nhãn, gắn dấu CR theo đúng quy định do các cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ, số lượng hàng nhập vào chỉ 1-2 sản phẩm nên đơn vị cung cấp không cung cấp đầy đủ hồ sơ chất lượng; một số cơ sở còn kinh doanh đồ chơi trẻ em bạo lực.

Trong thời gian tới, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng sẽ tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn tổ chức, cá nhân kinh doanh mũ bảo hiểm, thiết bị điện - điện tử, đồ chơi trẻ em, khí dầu mỏ hóa lỏng nâng cao nhận thức để thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đặc biệt là các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đồ chơi trẻ em. Đồng thời, sẽ tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng tiếp tục thanh, kiểm tra các sản phẩm, hàng hoá lưu thông trên thị trường nhằm ngăn chặn các hành vi gian lận và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng. Bên cạnh đó, người tiêu dùng cần xem xét kỹ thông tin trên nhãn hàng hoá và dấu hợp quy CR khi lựa chọn sản phẩm, hàng hoá để đảm bảo an toàn cho bản thân và người thân. ■

CÔNG TÁC KIỂM DỊCH THỰC VẬT NỘI ĐỊA 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018 TẠI LÂM ĐỒNG

VŨ ĐỨC CƯỜNG

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Lâm Đồng

Trong 6 tháng đầu năm 2018, Lâm Đồng có 18 công ty nhập khẩu 304 lô giống gồm 71 chủng loại với 27.160.175 cây, củ, ngọn, cành, hạt hoa các loại; 2.662,5 kg rau các loại; 270.700 cây chanh dây; 116.400 kg củ giống khoai tây chủ yếu từ các nước như Hà Lan, Nhật Bản, Mỹ, Đài Loan, Trung Quốc, Đan Mạch, Bỉ...

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Lâm Đồng đã tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với 9 đơn vị là Công ty TNHH TM và DV Trường Hoàng Lâm Đồng, Công ty TNHH Dâu tươi Khanh Bích, Công ty Cổ phần OKIS Việt Nam, Công ty TNHH Hoa Chi An, Công ty TNHH Hoa Nhật Hoàng, Công ty TNHH Giống cây trồng Thành Nông, Công ty TNHH Trang trại Nông nghiệp Kỹ thuật cao Nhật Việt, Công ty TNHH Trang trại DASAR. Đây là những doanh nghiệp chuyên nhập khẩu các giống cây trồng như hoa Lily, Cúc, lan Hồ điệp, cây trang trí (Trầu bà), Bắp cải, Bó xôi, hành Boaro và Cà chua về trồng tại Lâm Đồng.

So với cùng kỳ năm 2017, lượng giống rau, hoa nhập khẩu của Lâm Đồng tăng đối với các loại hoa Tulip, Đồng tiền, Dừa, Thược dược, Ngàn sao; lan Dạ hương, Vũ nữ; giống Ớt cảnh nhưng giảm đối

với các loại hoa Càng cua, Triệu chuông, Salem, Baby, Solidago, Bóng nước.

Trong đợt này, đoàn cũng kiểm tra dịch hại ngoài đồng ruộng với trên 10 giống hoa lan Hồ điệp nhập khẩu có màu sắc được thị trường ưa chuộng (giống màu vàng lưới đỏ, vàng chanh, đỏ ớt, hồng, cam cà rốt, trắng V3, các giống Hồ điệp mini...); 9 giống hoa Lily (Sorbonne, Acapulco, Profundo, Tiber, Robina, Yelloween, Conca D'or, Zabo Plant, Indiana); một số giống hoa Cúc (Romanov, Royce Lovely, Morossa, Viato,...); cây trang trí (Trầu bà); các giống rau như Bắp cải Green nova, Bó xôi, hành Boaro, Cà chua Cherry...

Qua kiểm tra, các công ty đã cung cấp đầy đủ hồ sơ liên quan đến việc nhập khẩu và chấp hành tốt quy định khi đưa giống cây trồng về sử dụng tại địa phương, thường xuyên theo dõi dịch hại, kết hợp với cơ quan chuyên môn quản lý tốt dịch hại không để lây lan ra diện rộng ảnh hưởng đến sản xuất; các giống cây trồng nhập nội đều thích nghi với điều kiện sản xuất của địa phương, sinh trưởng, phát triển tốt, nhiều giống mới cho năng suất cao, chất lượng tốt đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong và ngoài nước. ■



HỒ SƠ, THỦ TỤC XÁC NHẬN HÀNG HÓA SỬ DỤNG CHO ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ

Ngày 31/7/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg quy định trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư.

Trong đó, hồ sơ đề nghị xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ gồm:

- Văn bản đề nghị xác nhận.
- Thuyết minh về hàng hóa thuộc Danh mục hoặc đáp ứng tiêu chí theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ.
- Hợp đồng mua bán hoặc ủy thác (bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu) hoặc các tài liệu khác liên quan để xác định giao dịch mua bán, nhập khẩu.
- Ngoài các tài liệu trên, tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận cần nộp các giấy tờ sau:
 - + Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu): Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đăng ký kinh doanh (nếu có).
 - + Danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ sở ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ (đối với trường hợp đề nghị xác nhận hàng hóa là máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ).
 - + Danh mục máy móc, thiết bị để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc dự án đầu tư đổi mới công nghệ (đối với trường hợp đề nghị xác nhận hàng hóa là máy móc, thiết bị chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho đổi mới công nghệ).

Quyết định cũng quy định cụ thể trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho



phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Theo đó, tổ chức, cá nhân lập 1 bộ hồ sơ theo quy định gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về UBND tỉnh, thành phố nơi có dự án, cơ sở ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoặc về Bộ chủ quản dự án, cơ sở ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ (trong trường hợp có Bộ chủ quản).

Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và thông báo cho tổ chức, cá nhân nếu hồ sơ không hợp lệ, cần bổ sung hoặc sửa đổi.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân trong đó xác định rõ danh mục hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ; trường hợp từ chối xác nhận phải có văn bản nêu rõ lý do. Cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân về việc gia hạn thời gian trả lời trong trường hợp phải thẩm tra hồ sơ theo quy định.

Trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền tổ chức hội đồng để thẩm tra hồ sơ trước khi có văn bản trả lời. Thời gian thẩm tra và trả lời không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối xác nhận phải có văn bản nêu rõ lý do. ■



QUY ĐỊNH MỚI VỀ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN, ĐÁNH GIÁ, ĐÀO TẠO THEO TCVN ISO 9001:2015

Bộ Khoa học và Công nghệ vừa có hướng dẫn việc tư vấn, đánh giá đào tạo theo TCVN ISO 9001:2015 đối với các tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và cơ sở đào tạo.

Theo đó, thực hiện quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 4 Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc tư vấn, đánh giá, đào tạo theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước như sau:

- Đối với các tổ chức, chuyên gia được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá; thẻ chuyên gia tư vấn, đánh giá theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước được thực hiện tư vấn, đánh giá theo phiên bản TCVN ISO 9001:2015 theo thời gian hiệu lực của Giấy xác nhận, thẻ chuyên gia đã cấp.

- Các tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận, cơ sở đào tạo sẽ phải cập nhật, bổ sung thông tin đáp ứng yêu cầu của phiên bản TCVN ISO 9001:2015.

- Sau khi Giấy xác nhận hết thời hạn hiệu lực, các tổ chức, chuyên gia lập hồ sơ đăng ký cấp lại theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN.

- Tương tự, đối với các cơ sở đào tạo đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN được thực hiện đào tạo theo phiên bản TCVN ISO 9001:2015 theo thời hạn hiệu lực đã cấp. Các cơ sở đào tạo cần xây dựng, phê duyệt kế hoạch, chương trình đào tạo theo phiên bản TCVN ISO 9001:2015 và cập nhật, bổ sung thông tin đáp ứng yêu cầu của phiên bản TCVN ISO 9001:2015 cho các giảng viên đào tạo.

- Báo cáo kết quả cập nhật, đánh giá, tư vấn, đào tạo theo TCVN ISO 9001:2015 về Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trước ngày 15/9/2018 để phục vụ công tác quản lý.

Đối với các cơ sở đào tạo đăng ký cấp mới Giấy xác nhận cần xây dựng, phê duyệt kế hoạch, chương trình đào tạo theo TCVN ISO 9001:2015 và bổ sung kiến thức về phiên bản này cho các giảng viên đào tạo theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN. ■

TẬP HUẤN VIETGAP CHO TỔ HỢP TÁC "SẢN XUẤT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ CÂY ATISO"

NGUYỄN THỊ THÙY

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Lâm Đồng

Nhằm trang bị kiến thức về chuỗi giá trị và kỹ thuật trồng, chăm sóc cây Atiso theo tiêu chuẩn VietGAP, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Lâm Đồng đã phối hợp với phòng Nông nghiệp huyện Lạc Dương tổ chức Hội thảo đầu bờ về kỹ thuật trồng, chăm sóc cây Atiso cho 10 thành viên của tổ hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị cây Atiso tại xã Đạ Sar, huyện Lạc Dương.

Theo đó, để tiếp tục thực hiện Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025" và sử dụng hiệu quả nguồn hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh, cuối năm 2017, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã hỗ trợ thành lập và ra mắt tổ hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị cây Atiso tại xã Đạ Sar, huyện Lạc Dương nhằm liên kết những hộ dân, đặc biệt là hội viên phụ nữ dân tộc thiểu số tại địa phương đang hoạt động sản xuất nhỏ lẻ, ít vốn cùng thực hiện sản xuất - kinh doanh để nâng cao năng lực sản xuất

nông sản, tăng khả năng tiếp cận thị trường, góp phần thúc đẩy phát triển nền kinh tế nông nghiệp công nghệ cao.

Để tổ hợp tác đi vào hoạt động có hiệu quả, đến nay, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã tiến hành giải ngân vốn, bàn giao cây giống, phân bón; phối hợp với các ngành chức năng hướng dẫn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho các thành viên tổ hợp tác để tiến hành trồng, chăm sóc cây Atiso.

Đây là mô hình được thành lập và hoạt động theo hình thức tự nguyện của 10 hộ gia đình hội viên phụ nữ dân tộc thiểu số có áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, thực hiện ý tưởng khởi nghiệp thông qua tổ hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị cây Atiso của Hội phụ nữ xã Đạ Sar, góp phần hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết Ban chấp hành lần thứ 2 Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Lâm Đồng khóa IX đã đề ra. ■



PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP TẠI LÂM ĐỒNG

LÊ THỊ THANH NGÀ

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Lâm Đồng

Lâm Đồng là tỉnh có nhiều lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên đất đai, nguồn nước, nguồn nhân lực và điều kiện sinh thái cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, đặc biệt là các loại nông sản đặc sản có ưu thế như rau, hoa cao cấp có nguồn gốc ôn đới và á nhiệt đới.

Cùng với lịch sử 125 năm hình thành và phát triển, việc phát triển nông nghiệp ngày càng đa dạng, mang đặc thù của vùng đất á nhiệt đới. Trong những năm gần đây, nông nghiệp của tỉnh Lâm Đồng đã có những bước chuyển mình đáng kể với 23.300 ha diện tích đất sản xuất rau, hoa ứng dụng công nghệ cao, trong đó, 19.500 ha rau, 3.800 ha hoa. Với những đặc điểm nổi bật này đã giúp đưa Lâm Đồng từ chỗ chỉ sản xuất để cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng, đến nay, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã trở thành một trong những tiềm năng lớn để phát triển nông nghiệp hàng hóa của tỉnh. Đồng thời mang lại giá trị kinh tế cho ngành du lịch, góp phần tạo sự đa dạng trong sản phẩm du lịch. Theo thống kê, năm 2017, lượng du khách đến với Đà Lạt - Lâm Đồng đạt khoảng 6 triệu lượt, tăng 7,8% so với năm 2016. Đạt được điều này chính nhờ sự nỗ lực đổi mới, đa dạng hóa sản phẩm của ngành du lịch Lâm Đồng, trong đó có việc đầu tư, phát triển du lịch canh nông.

Thực trạng phát triển du lịch gắn với nông nghiệp bền vững tại Lâm Đồng

Lâm Đồng là tỉnh đi đầu trong việc áp dụng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư về phát triển nông nghiệp công nghệ cao sớm nhất cả nước, với định hướng xây dựng nền sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao bền vững; là nơi cung cấp nguồn nông sản ổn định quy mô lớn, tạo sự khác biệt về quy trình sản xuất, thu hoạch và chất lượng sản phẩm; xây dựng và củng cố thương hiệu sản phẩm nông nghiệp của Lâm Đồng tại thị trường nội địa và mở rộng ra thị trường nước ngoài; gia tăng kim ngạch xuất khẩu nông sản và nâng cao thu nhập cho người sản xuất, kinh doanh.

Thời gian qua, Chính phủ Việt Nam đã phối hợp với Chính phủ Nhật Bản hợp tác xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp trung và dài hạn, lấy tỉnh Lâm Đồng làm mô hình kiểu mẫu. Trong

đó, tổ chức JICA Nhật Bản hỗ trợ tỉnh Lâm Đồng thực hiện Dự án xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành và cải thiện môi trường đầu tư trong nông nghiệp. Dự án tổ chức khảo sát và tiến hành xây dựng chiến lược thương hiệu, quảng bá nông sản, du lịch nông nghiệp của tỉnh Lâm Đồng; cải thiện mức độ nhận thức và nhận diện thương hiệu còn hạn chế của nông sản và du lịch nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng trên thị trường nội địa và nước ngoài. Các nông sản đặc trưng và dịch vụ du lịch của tỉnh Lâm Đồng gồm rau, hoa, cà phê Arabica, du lịch canh nông được đánh giá và xác định là những sản phẩm độc đáo, có tiềm năng thương mại. Sự kết nối giữa các nông sản đặc trưng và du lịch canh nông thành chỉ dẫn địa lý để quảng bá về vùng đất, con người, địa danh Lâm Đồng với các địa phương khác trong nước và quốc tế.

Nông nghiệp và du lịch tuy đã có nhiều cơ hội để gắn kết, nhưng vẫn tồn tại nhiều hạn chế như sự liên kết giữa 2 ngành còn thiếu chặt chẽ; chưa có sự tương đồng về chất lượng giữa sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ du lịch; việc đưa nông dân từ sản xuất đơn thuần trở thành người làm dịch vụ gặp nhiều khó khăn; tài chính còn hạn chế; năng lực vận hành, cung cấp dịch vụ chưa chuyên nghiệp.... Hầu hết các hoạt động du lịch nông nghiệp vẫn mang tính tự phát, nhỏ lẻ, manh mún, trùng lặp. Sản phẩm du lịch nông nghiệp chưa thực sự hấp dẫn du khách nội địa và quốc tế; chưa được chú trọng về thương hiệu.

Từ mục tiêu định hướng của tỉnh, ngành nông nghiệp và du lịch Lâm Đồng đã có những phối hợp nhịp nhàng trong thẩm định và góp ý để hoàn thiện các mô hình du lịch từ quy trình sản xuất khoa học đến dịch vụ du lịch chuyên nghiệp.

Các sản phẩm du lịch canh nông chất lượng cao tại Lâm Đồng nhằm phục vụ du khách ngày càng có nhiều triển vọng. Các mô hình sản xuất nông nghiệp đều ứng dụng công nghệ cao; các



khu trang trại (Trung tâm Nghiên cứu và Thực nghiệm Nông nghiệp Đà Lạt, Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học Rừng hoa Đà Lạt, Công ty TNHH Đà Lạt Thiên Nhiên, Vườn lan YSA Orchid, Vườn dâu Thanh Trung, Vườn rau Trần Đức Quang...) sử dụng nhà kính, quy trình canh tác hiện đại từ khâu giống đã ứng dụng công nghệ giống mới (nhập khẩu giống mới từ nhiều nước tiên tiến, công nghệ nhân giống *in vitro*) đã tạo ra các loại cây giống sạch bệnh, có tính đồng nhất, ổn định về năng suất, chất lượng; ứng dụng hệ thống tự động thông minh trong tưới nước, bón phân; ứng dụng công nghệ cảm biến đo nhiệt độ, độ ẩm, cường độ ánh sáng,... Một số mô hình như Khu du lịch canh nông Green Box, Khu du lịch Trang trại Rau và Hoa, Thủy canh Đức Tín,... sử dụng công nghệ sinh học trong canh tác rau, hoa (dùng giá thể để trồng cây hoặc trồng bằng phương pháp thủy canh, khí canh...). Sản phẩm ứng dụng công nghệ cao cho năng suất cao, mẫu mã đẹp, đặc thù, mới lạ và an toàn đối với sức khỏe người tiêu dùng. Du khách khi đến với các mô hình du lịch canh nông được trải nghiệm thực tế khi chứng kiến quy trình sản xuất, chăm sóc, thu hoạch đều ứng dụng công nghệ cao; được tự tay thu hoạch, thưởng thức sản phẩm ngay tại chỗ.

Ngoài các mô hình du lịch canh nông ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất chè và cà phê tại các nông trại như Cầu Đất Farm, Công ty Cổ phần Long Đình, Du lịch canh nông Tâm Châu cũng đã tạo được dấu ấn trong lòng du khách với nhiều cảnh quan thoáng đãng, đẹp và thơ mộng để vừa thưởng lãm vừa chụp hình lưu niệm; du lịch gắn với thưởng lãm và tận mắt chứng kiến từng quy trình sản xuất dược liệu Đông trùng hạ thảo, nấm Linh chi đỏ tại Đông trùng hạ thảo Dalat New farm; Khu du lịch canh nông Đa Lạt Noah là điểm nhấn về sản phẩm du lịch canh nông độc đáo của Lâm Đồng.

Có thể nói, với khí hậu trong lành, cảnh đẹp thiên nhiên cùng với những sản phẩm độc đáo, mới lạ của các mô hình du lịch canh nông đã tạo nên sức hấp dẫn cho du khách khi đến với Lâm Đồng.

Trong thời gian tới, để phát triển du lịch gắn với nông nghiệp bền vững và đưa du lịch canh nông thành thương hiệu của tỉnh Lâm Đồng, cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Cần có quy hoạch sản xuất phù hợp, lâu dài, tổ chức quản lý sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp và doanh nghiệp lưu hành trong quá trình hoạt động. Đồng thời, có những cơ chế,



Hội thảo khoa học Phát triển du lịch gắn với nông nghiệp bền vững

chính sách cụ thể trong việc đào tạo kỹ năng phục vụ dịch vụ du lịch nông nghiệp để du khách khi đến Lâm Đồng có thể cảm nhận được tinh hoa của vùng đất này.

- Ngành nông nghiệp cần tập trung xây dựng các mô hình cảnh quan kết hợp với sản xuất nông nghiệp bền vững; sản xuất đa dạng các loại cây đặc sản, cây dược liệu, rau, hoa đặc trưng của từng vùng kết hợp với các tour du lịch trải nghiệm thực tế nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, góp phần tăng thu nhập cho nông dân, đồng thời đa dạng hóa các loại hình du lịch.

- Ngành du lịch cần tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá, tạo mối liên kết giữa nhà nông và doanh nghiệp để phát triển du lịch nông nghiệp trên địa bàn, làm phong phú và đa dạng các sản phẩm du lịch; đồng thời, phát huy hết các lợi thế của địa phương trong hoạt động du lịch, đặc biệt, cần tạo cơ hội cho nông dân có thêm hướng phát triển mới cho cây rau, hoa, cây đặc sản dựa vào các hoạt động du lịch.

Hiện nay, Lâm Đồng đã có các chính sách đặc thù tạo cơ chế, chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp đô thị gắn với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm. Ngoài ra, Lâm Đồng đã có những chính sách liên kết hợp tác sản xuất, tiêu thụ nông sản hàng hóa với các tỉnh, thành phố lớn trong cả nước, góp phần quảng bá thương hiệu rau, hoa Đà Lạt; giúp các cơ sở tăng nhanh khả năng tiêu thụ nông sản; quảng bá vùng đất, con người, địa danh Đà Lạt và các vùng phụ cận với thị trường nội địa và quốc tế.

Với những thế mạnh, tiềm năng riêng sẵn có cùng chiến lược phát triển, hy vọng tỉnh Lâm Đồng sẽ có nhiều mô hình du lịch canh nông thành công trong tương lai không xa. ■



ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ, CÔNG CỤ CẢI TIẾN NĂNG SUẤT TẠI CÁC DOANH NGHIỆP THAM GIA DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG GIAI ĐOẠN 2016-2018

NGUYỄN TÚ UYÊN

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng

Thực hiện Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt Dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020”, từ năm 2016 đến tháng 6/2018, Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng đã tổ chức khảo sát, lựa chọn và thông qua 41 đề cương của 30 doanh nghiệp đăng ký tham gia Dự án. Hiện đã có 15 đơn vị với 19 dự án đã hoàn thành việc triển khai áp dụng các hệ thống quản lý (HTQL) và công cụ cải tiến năng suất, chất lượng. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng đã tiến hành khảo sát trực tiếp 15 đơn vị để đánh giá hiệu quả sau khi áp dụng HTQL, công cụ cải tiến, kết quả như sau:

- Trong số các doanh nghiệp được đánh giá, có 73% doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm, nông sản và thuốc, là các lĩnh vực có yêu cầu cao trong việc kiểm soát quá trình sản xuất và đảm bảo chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Ngoài ra, còn có các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh chế phẩm sinh học, hoa, dịch vụ,...

- Hầu hết các doanh nghiệp kinh doanh thực phẩm, nông sản, chè, cà phê đều lựa chọn áp dụng các HTQL an toàn thực phẩm như ISO 22000, FSSC 22000, HACCP (chiếm 47% dự án); các doanh nghiệp trồng nông sản, cà phê, hoa, cây thuốc lựa chọn áp dụng các tiêu chuẩn như GlobalGAP, tiêu chuẩn hữu cơ, GACP, 4C (chiếm 21% dự án); các đơn vị sản xuất sản phẩm chế phẩm, kính, kinh doanh dịch vụ lựa chọn áp dụng HTQL chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 (chiếm 21% dự án). Có 5% dự án áp dụng công cụ cải tiến năng suất, chất lượng 5S.

Đánh giá các chỉ tiêu về năng suất chất lượng

Kết quả khảo sát 19 dự án của 15 đơn vị cho thấy:

- Có 13/19 dự án của các doanh nghiệp áp dụng HTQL theo ISO 9001, ISO 22000, HACCP, FSSC 22000, Halal. Sau khi áp dụng, 92% dự án giảm tỷ lệ sản phẩm sai hỏng; 92% dự án đã giảm lãng phí trong sản xuất; 85% dự án giảm tỷ lệ khiếu nại của khách hàng; 85% dự án đánh giá giảm lãng phí trong quá trình sản xuất; 77% dự án giảm chi phí sản xuất; 92% dự án cho rằng việc đáp ứng yêu

cầu của thị trường, số lượng khách hàng mới và thị trường tiêu thụ đã tăng so với trước khi áp dụng.

- Đối với các đơn vị áp dụng các tiêu chuẩn trong trồng trọt (GlobalGAP, tiêu chuẩn hữu cơ, GACP, 4C): 4 dự án sau khi áp dụng đã nâng cao chất lượng sản phẩm; số lượng khách hàng mới, sản lượng, thị trường tiêu thụ, giá thành sản phẩm đều tăng so với trước. Về chi phí sản xuất, có 25% dự án có chỉ số tăng, 25% dự án có chỉ số giảm, 25% dự án không thay đổi và 25% không thể so sánh.

- Đối với các đơn vị áp dụng công cụ cải tiến: hiện chỉ có 1 doanh nghiệp áp dụng công cụ cải tiến 5S. Sau khi áp dụng, nơi làm việc đã ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ; việc chấp hành kỷ luật, trách nhiệm của người lao động, sáng kiến của nhân viên được nâng cao; giảm thiểu lãng phí trong quá trình sản xuất, kinh doanh; giảm thời gian lãng phí do tìm kiếm dụng cụ, vật dụng; đã loại bỏ được các vật dụng không cần thiết tại nơi làm việc.

Đánh giá chỉ tiêu về tài chính

Qua kết quả khảo sát cho thấy, có 73,33% doanh nghiệp có doanh thu và thu nhập bình quân đầu người tăng dần qua các năm so với trước khi áp dụng. Có 46,67% doanh nghiệp tăng sản lượng, 40% tăng lợi nhuận và nộp thuế. Có 26,67% doanh nghiệp tăng số lượng lao động so với trước khi áp dụng. Tuy nhiên, vẫn còn 33,33% doanh nghiệp giảm lợi nhuận; 26,67% doanh nghiệp giảm số lao động sau khi áp dụng; 13,33% đơn vị không có thay đổi về các chỉ số tài chính do mới hoàn thành áp dụng và đi vào hoạt động nên chưa đánh giá được.

Như vậy, thông qua kết quả khảo sát cho thấy, việc áp dụng các HTQL và công cụ cải tiến năng suất, chất lượng đã giúp các doanh nghiệp nâng cao các chỉ số về năng suất, chất lượng (như tăng năng suất lao động; giảm chi phí sản xuất, lãng phí, sai lỗi, giá thành sản phẩm) và các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, khách hàng, thị trường đều tăng. Có thể khẳng định, phần lớn doanh nghiệp áp dụng HTQL, công cụ cải tiến đều mang lại hiệu quả tốt, đạt được yêu cầu đặt ra khi tham gia Dự án nâng cao năng suất, chất lượng. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp thông qua áp dụng công cụ vẫn chưa nâng cao năng suất, chất lượng hoặc mới áp dụng và được chứng nhận nên hiệu quả đạt được chưa rõ ràng. ■

CÔNG TY TNHH XNK CÀ PHÊ TÁM TRÌNH

ỨNG DỤNG NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ THEO TIÊU CHUẨN SẠCH 4C, ORGANIC CHO CÀ PHÊ

ĐOÀN MẠNH TRÌNH

Công ty TNHH Tám Trình

Công ty TNHH XNK Cà Phê Tám Trình luôn hướng đến xây dựng và phát triển cà phê bền vững 4C - Organic với thương hiệu "Chim Vàng - Golden Birds".

Là đơn vị tiên phong trong việc đưa Chương trình cà phê 4C của Công ty Nestle về với nông dân huyện Lâm Hà từ năm 2012 đến nay, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng cây cà phê trên địa bàn huyện. Trong quá trình triển khai Chương trình 4C, Công ty nhận thấy, nông dân canh tác tự phát theo kinh nghiệm, chăm sóc không theo quy trình, khoa học dẫn đến tăng chi phí nhưng hiệu quả kinh tế mang lại không cao. Từ đó, Công ty đã phối hợp với các tổ chức, đơn vị có chức năng tổ chức tập huấn kỹ thuật canh tác theo tiêu chuẩn bền vững 4C cho các hộ dân trồng cà phê trên địa bàn huyện. Bước đầu, một số hộ chưa thật sự quan tâm; tuy nhiên, sau nhiều lần được tập huấn, hướng dẫn kỹ về kỹ thuật, nông dân đã nhận thấy hiệu quả mang lại khi áp dụng tiêu chuẩn 4C, canh tác bền vững, tiết kiệm chi phí, tăng năng suất và chất lượng cho cà phê.

Từ những kinh nghiệm trên, Công ty TNHH XNK Cà Phê Tám Trình đã xây dựng Dự án 4C cho riêng Công ty, liên kết với 207 hộ dân trong vùng với quy mô trên 800 ha, canh tác theo tiêu chuẩn bền vững 4C, tuân thủ những quy định của bộ quy tắc 4C, bảo vệ môi trường, không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục cấm, hạn chế phân bón hóa học, tăng cường bón phân hữu cơ sinh học để tạo độ xốp, mùn cho vườn cà phê. Các nông hộ được Công ty cấp phát sổ nhật ký để ghi chép, theo dõi quá trình chăm sóc, cũng như tính được chi phí cho cây cà phê và đã được Tổ chức 4C thế giới cấp Giấy chứng nhận. Từ khi canh tác theo tiêu chuẩn bền vững, các nông hộ thấy được những kết quả đáng ghi nhận; năng suất, chất lượng được cải thiện tốt hơn; được khách nước ngoài đánh giá cao.

Không dừng lại ở đó, trên nền tảng 4C, Công ty từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, cũng như gia tăng giá trị cho hạt cà phê; tiếp tục đồng hành cùng nông hộ, trồng và chăm sóc theo tiêu chuẩn Organic. Các nông hộ không chỉ



được hướng dẫn kỹ thuật canh tác chặt chẽ theo quy trình; trồng, chăm sóc, thu hoạch quả chín trên 95%. Do đó, sản lượng, chất lượng cà phê tăng hơn so với trước. Bên cạnh đó, để khuyến khích các nông hộ, Công ty đã xây dựng chính sách cộng thưởng trên giá thành sản phẩm từ 6.000 đồng/kg trở lên so với giá thị trường và bao tiêu toàn bộ sản phẩm. Việc chăm sóc cà phê theo phương thức mới mất nhiều công sức hơn so với trước song các hộ nông dân rất hài lòng với doanh thu đạt được, chi phí đầu tư thấp hơn so với trước khi tham gia dự án. Đây là phương pháp làm việc đòi hỏi tính kỷ luật cao, khuyến khích nông dân thay đổi và nhận thức tự duy làm cà phê bền vững hiện nay.

Từ chương trình cà phê Organic, vừa qua, nhân Ngày Cà phê Việt Nam, Công ty đã đón các đoàn khách trong và ngoài nước đến tham quan mô hình làm cà phê sạch, chất lượng cao. Sản phẩm của Công ty đã được chứng nhận Sản phẩm Nông nghiệp Nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh năm 2017; cấp khu vực năm 2018 với thương hiệu Golden Birds.

Đến nay, sản phẩm của Công ty đang cung ứng cho các thị trường cao cấp trong và ngoài nước. Và Công ty đang tiếp tục triển khai kế hoạch phát triển kinh doanh, mở rộng quy mô sản xuất và cung cấp ra các thị trường khó tính trên thế giới nhằm khẳng định thương hiệu cà phê của tỉnh Lâm Đồng; duy trì hướng sản xuất sạch theo các tiêu chuẩn 4C, Organic để góp phần phát triển ngành cà phê một cách bền vững. ■



TIN CẢNH BÁO TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO

COSTA RICA

Sản phẩm điều chỉnh: hành khô.

Thông báo số G/TBT/N/CRI/180, ngày 04 tháng 9 năm 2018.

Mô tả nội dung: quy chuẩn kỹ thuật hiện hành xác định các yêu cầu về chất lượng, đóng gói và dán nhãn đối với hành khô sản xuất trong nước và nhập khẩu để tiêu thụ ở Costa Rica. Quy chuẩn bắt buộc áp dụng đối với hành khô thông thường và đóng gói sẵn được bán trên thị trường nội địa.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: ngăn ngừa các hành vi có khả năng gây nhầm lẫn hoặc lừa dối người tiêu dùng.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời gian dự kiến thông qua: sau khi công bố chính thức trên Tạp chí La Gaceta.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: 6 tháng sau khi công bố trên Tạp chí La Gaceta.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Bộ Kinh tế, Công nghiệp và Thương mại Costa Rica.

Địa chỉ: Apartado Postal 10216-1000.

Điện thoại: (+506) 2549-1479.

Fax: (+506) 2291-2015.

Email: crotc@meic.go.cr.

Trang web: <http://www.reglatec.go.cr>.

KENYA

Sản phẩm điều chỉnh: chè đen.

Thông báo số G/TBT/N/KEN/713, ngày 23 tháng 7 năm 2018.

Mô tả nội dung: dự thảo tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với chè đen. Tiêu chuẩn này cũng áp dụng cho chè đen pha trộn.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: bảo vệ sức khỏe, an toàn cho người tiêu dùng; đảm bảo yêu cầu về chất lượng.

Thời gian góp ý: 14/9/2018.

Thời gian dự kiến thông qua: tháng 12/2018.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: theo tuyên bố bắt buộc của Bộ trưởng Nội các, Bộ Công nghiệp, Thương mại và Hợp tác xã.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Văn phòng Tiêu chuẩn Kenya.

Hộp thư bưu điện: 54974-00200, Nairobi, Kenya.

Điện thoại: +(254)020605490,605506/6948258.

Fax: + (254) 020 609660/609665.

Email: info@kebs.org.

Trang web: <http://www.kebs.org>.

BRAZIL

Sản phẩm điều chỉnh: cà chua.

Thông báo số G/TBT/N/BRA/834, ngày 01 tháng 8 năm 2018.

Mô tả nội dung: quy chuẩn kỹ thuật kết hợp cùng Nghị quyết MERCOSUR thiết lập danh tính và yêu cầu chất lượng tối thiểu đối với cà chua.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng; đảm bảo chất lượng sản phẩm và an toàn thực phẩm.

Thời gian dự kiến thông qua: 25/7/2018.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: 25/7/2018.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Viện Đo lường, Chất lượng và Công nghệ Quốc gia – INMETRO.

Điện thoại: + (55) 21 2563.2817.

Fax: + (55) 21 2563.5637.

Email: barreirastecnicas@inmetro.gov.br.

Trang web: <http://www.inmetro.gov.br/barreirastecnicas>.



UGANDA

Sản phẩm điều chỉnh: trà xanh.

Thông báo số G/TBT/N/UGA/916, ngày 27 tháng 8 năm 2018.

Mô tả nội dung: dự thảo Tiêu chuẩn Uganda quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với trà xanh thuộc loài *Camellia sinensis* (L) O. Kuntze. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho quá trình khử khoáng, rang tiếp.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: đảm bảo các thông tin, ghi nhãn của sản phẩm; phòng chống các hành vi lừa đảo và bảo vệ người tiêu dùng; bảo vệ sức khỏe, an toàn của con người; đảm bảo các yêu cầu về chất lượng hài hòa; giảm các rào cản thương mại không cần thiết.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời gian dự kiến thông qua: tháng 12/2018.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: sau khi có công bố chính thức của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp và Hợp tác xã.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Văn phòng Tiêu chuẩn Quốc gia Uganda.

Địa chỉ: Hòm thư số 6329, Lô 2-12 ByPass Link Bweyogerere, Khu công nghiệp và Thương mại Kampala, Uganda.

Điện thoại: +256 (0) 417-333 250/1/2.

Email: info@unbs.go.ug.

RWANDA

Sản phẩm điều chỉnh: trà xanh.

Thông báo số G/TBT/N/RWA/170, ngày 24 tháng 7 năm 2018.

Mô tả nội dung: dự thảo tiêu chuẩn quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với trà xanh thuộc loài *Camellia sinensis* (L) O. Kuntze. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho quá trình khử khoáng, rang tiếp.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: bảo vệ sức khỏe, an toàn cho người tiêu dùng; đảm bảo yêu cầu về chất lượng.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời gian dự kiến thông qua: được xác định.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: được xác định.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Ban tiêu chuẩn Rwanda.

Địa chỉ: KK 15 Rd, 49. Hòm thư 7099, Kigali, Rwanda.

Điện thoại: +250 788303492.

Email: info@rsb.gov.rw.

Trang web: www.rsb.gov.rw.

NIGERIA

Sản phẩm điều chỉnh: trà.

Thông báo số G/TBT/N/NGA/5, ngày 03 tháng 8 năm 2018.

Mô tả nội dung: tiêu chuẩn quy định định nghĩa và tính chất của trà.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: trà được dán nhãn phù hợp với quy định về dán nhãn đối với thực phẩm đóng gói sẵn.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời gian dự kiến thông qua: được quy định ở giai đoạn dự thảo.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: được xác định sau khi có thông báo.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Cơ quan Quản lý, Kiểm soát Thực phẩm và Dược phẩm Quốc gia (NAFDAC).

Địa chỉ: Lô 1, Đường cao tốc Oshodi Apapa, Isolo, Lagos.

Điện thoại: +234 (0) 1-4609750.

Email: spsenquiry@nafdac.gov.ng.

Trang web: http://www.nafdac.gov.ng.



SẢN PHẨM MỚI - CÔNG NGHỆ MỚI

CHẾ PHẨM VI SINH VÀ CHẾ PHẨM SINH HỌC CHITOSAN DÙNG CHO CÂY HỒ TIÊU

Các nhà khoa học thuộc Viện Nghiên cứu khoa học miền Trung (Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam) vừa nghiên cứu, sản xuất thành công chế phẩm vi sinh và chế phẩm sinh học Chitosan phòng trừ bệnh chết nhanh, chết chậm trên cây hồ tiêu. Chế phẩm giúp giảm tỷ lệ mắc bệnh $\geq 70\%$ và tăng năng suất của cây lên trên 15%.

Kết quả ứng dụng tại tỉnh Quảng Trị và các tỉnh Tây Nguyên cho thấy, chế phẩm vi sinh và chế phẩm sinh học Chitosan giúp tăng lợi nhuận từ 82-90 triệu đồng/ha so với chỉ bón phân chuồng hoai mục; tỷ suất lợi nhuận tăng 1,5-2,7 lần.

Chi tiết xin liên hệ: Viện Nghiên cứu Khoa học miền Trung. Số 321 Huỳnh Thúc Kháng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Email: phamtthoai@gmail.com (Phạm Thị Thúy Hoài - Thư ký dự án); Điện thoại: 0234.3523339.



PHÂN BÓN VI LƯỢNG TRỪ BỆNH NẤM TRÊN CÂY

Thông qua thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm “Hoàn thiện quy trình công nghệ và triển khai dây chuyền sản xuất nano CuCl ứng dụng làm phân bón vi lượng có tác dụng diệt trừ nấm bệnh cho một số cây trồng”, các nhà khoa học thuộc Viện Khoa học Vật liệu ứng dụng (Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam) đã nghiên cứu và xây dựng thành công quy trình công nghệ sản xuất phân bón vi lượng đa chức năng chứa nano CuCl/chitosan công suất 5.000 lít/tháng (dạng lỏng) và chứa nano CuCl/zeolite 4A công suất 1.000 kg/tháng (dạng bột).

Loại phân bón này không chỉ có tác dụng giúp cây trồng tăng trưởng tốt mà còn có khả năng phòng trừ những bệnh khó trị do nấm gây ra như bệnh đạo ôn hại lá lúa, bệnh đốm nâu trên thanh long, bệnh chết nhanh trên hồ tiêu. Do tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có trong nước và tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao nên chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm được đánh giá phù hợp đối với người nông dân.

Chi tiết xin liên hệ: Viện Khoa học Vật liệu ứng dụng. Số 01 Mạc Đĩnh Chi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; Email: laikimdung@gmail.com (TS. Lại Thị Kim Dung - Thư ký dự án); Điện thoại: 028.38243507.



HỆ THỐNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM RAVI

Nhằm quản lý sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, nhóm nghiên cứu thuộc Công ty Thực phẩm sạch Ravi đã xây dựng hệ thống minh bạch truy xuất nguồn gốc sản phẩm và chống giả RAVI.

Theo đó, các chỉ số về thời tiết, quá trình sinh trưởng của từng loại rau, quả... được cài đặt, cập nhật liên tục với thuật toán AI và đưa ra các kết quả tương ứng cho người phụ trách canh tác như: thời điểm bón phân, lượng nước cần bổ sung, thời gian thu hoạch... Ưu điểm của hệ thống là các dữ liệu của quy trình gồm tưới nước, bón phân, thuốc bảo vệ thực vật... được đưa vào quy trình một cách minh bạch và nhờ đó, dễ dàng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, tạo được sự tin cậy cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm. Với các tính năng đã được cài đặt, hệ thống còn trợ giúp việc lập kế hoạch sản xuất; giúp đơn giản, thuận tiện hơn, có thể thực hiện từ xa (máy tính nối mạng internet). Hiện hệ thống được áp dụng tại trang trại của Công ty tại Bắc Giang, Yên Bái, Hà Nội và đã chuyển giao cho một số đơn vị sản xuất trong nước, được khách hàng tin tưởng, đánh giá cao.

Chi tiết xin liên hệ: Công ty Thực phẩm sạch Ravi. A9 Lô 13 Khu đô thị Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội; Website: tracer.vn, http://ravi.vn/clusters-diaries/3; Điện thoại: 0968568096/0961181907.



CÔNG NGHỆ XỬ LÝ HOA LILY SAU THU HOẠCH

PHẠM THỊ SONG NGÂN

Hiệp hội hoa Đà Lạt

Hoa Lily là loại hoa có giá trị kinh tế cao, đang được trồng rộng rãi tại Lâm Đồng. Hoa sau thu hoạch rất nhạy cảm với khí ethylene - loại khí gây lão hóa hoa, rụng nụ, vàng lá.

Để nâng cao chất lượng hoa cắt cành, kéo dài thời gian sử dụng, cần áp dụng quy trình xử lý hoa Lily sau thu hoạch để kho lạnh và hoa Lily cắt non theo công nghệ của Israel; sử dụng các sản phẩm bảo quản hoa của tập đoàn Gadot Agro nổi tiếng tại Israel.

Quy trình xử lý hoa Lily sau thu hoạch, bảo quản lạnh

Bước 1: sau khi thu hoạch hoa, ngâm gốc cành hoa vào dung dịch TOG 6 để ngăn ngừa vi khuẩn xâm nhập, thông mạch dẫn và cân bằng độ pH cho cành hoa.

Bước 2: cắm hoa vào dung dịch đã pha gồm T.O.G L-103 và T.O.G 75, ở nhiệt độ phòng từ 16-25°C, trong 6-8 giờ. Tỷ lệ: 0,15% T.O.G L-103 + 0,1% T.O.G 75.

- T.O.G 75: giúp ức chế ethylene sản sinh trong kho lạnh và quá trình vận chuyển.

- T.O.G L-103: cung cấp dinh dưỡng cho hoa, giúp bù đắp lượng hormone bị thiếu hụt cho hoa, kích thích các mạch dẫn hấp thụ nước tốt, kéo dài tuổi thọ và giữ hoa tươi lâu hơn.

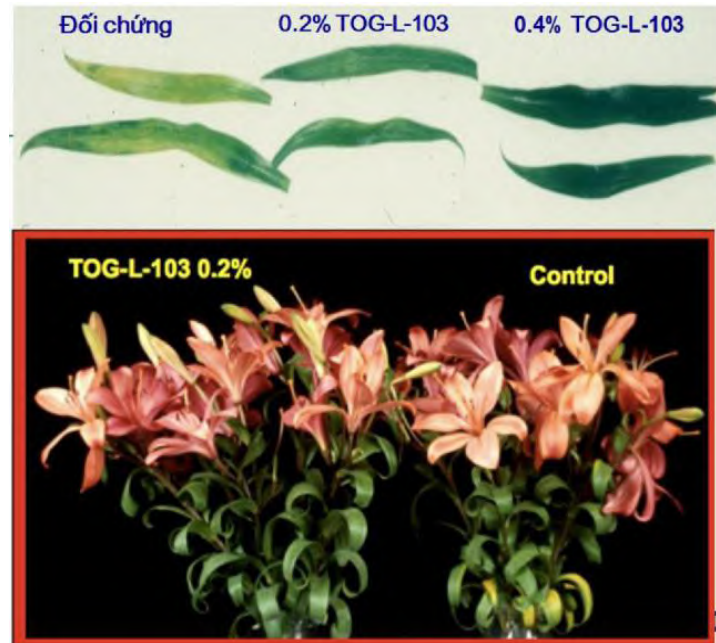
Bước 3: đưa hoa vào kho lạnh ở nhiệt độ từ 2-6°C, lưu trữ tối thiểu từ 24-72 giờ.

Nếu thời gian lưu trữ lâu hơn, cần tái xử lý hoa với T.O.G 6 cho đến khi vận chuyển (1 g T.O.G 6 pha 11 lít dung dịch).

Bước 4: trước khi vận chuyển hoa đến nhà cung cấp, cần để hoa ở nhiệt độ mát nhằm tránh "sốc nhiệt" cho hoa.

Lưu ý: người sử dụng hoa cuối cùng nên dùng gói dưỡng hoa Long Life 1% giúp hoa tươi lâu, không cần thay nước ở giai đoạn cắm bình.

Chi phí xử lý: 27 đồng/cành hoa nên rất phù hợp với bà con nông dân.



Trường hợp hoa Lily phải cắt sớm (từ 2-3 ngày) so với thời gian thu hoạch thông thường, cần có quy trình xử lý riêng.

Quy trình xử lý hoa Lily cắt non

Bước 1: hoa nên cắt non vừa phải, từ 10-20% so với bình thường.

Bước 2: sử dụng sản phẩm TOG Galileo + 3% đường, ngâm tối thiểu trong 6 giờ và xuất đi. Thành phần chính của TOG Galileo giúp kích thích hoa hút thật nhiều đường, dinh dưỡng, chất diệt khuẩn để hoa trữ đủ dinh dưỡng và kích nở sau 1 ngày xử lý.

Bước 3: để hoa tiếp tục nở đẹp ở giai đoạn cắm bình tại nhà, bắt buộc phải sử dụng sản phẩm Long Life 1%.

Chi phí xử lý: 6,5 đồng/cành hoa cắt non.

Hiện nay, rất nhiều nhà vườn tại Thái Phiên, Xuân Thành và các Công ty LangBiang Farm, Pan Saladbowl... đều đã sử dụng sản phẩm xử lý hoa sau thu hoạch để nâng cao chất lượng hoa cung cấp nội địa và xuất khẩu. ■

Bảng tỷ lệ pha dung dịch và dự toán chi phí

Sử dụng	Tỷ lệ	Pha 100 L dung dịch	Pha 1.000 L dung dịch	Đơn giá/lít (đồng)	Thành tiền (đồng)
T.O.G L-103: dinh dưỡng chính cho hoa và ngăn vàng lá hoa Lily	0,15%	150 mL	1,5 L	1.100.000	1.650.000
T.O.G 75: ức chế ethylene (cả trong và ngoài)	0,1%	100 mL	1 L	1.050.000	1.050.000
T.O.G 6: rửa hoa, cân bằng độ PH		1 kg hòa tan 11.000 L dung dịch		270.000	2.700.000



THỰC HIỆN QUY TẮC XUẤT XỨ ĐỂ HƯỞNG LỢI TỪ CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO (FTA)

PHẠM VĂN TRUNG

Chi cục Hải quan Đà Lạt

Nội dung cốt lõi của các Hiệp định thương mại tự do (FTAs)

Hiện nay đã có rất nhiều tổ chức và quốc gia khác nhau đưa ra các khái niệm về FTA cho riêng mình; điều này thể hiện những quan điểm khác nhau về FTA cũng như sự phát triển đa dạng của các quốc gia. Tuy nhiên, theo cách hiểu chung nhất: FTA là Hiệp ước thương mại giữa 2 hoặc nhiều quốc gia. Theo đó, các nước sẽ tiến hành theo lộ trình việc cắt giảm và xóa bỏ hàng rào thuế quan cũng như phi thuế quan nhằm tiến đến thành lập khu vực mậu dịch tự do. Một FTA thông thường gồm những nội dung chính sau: quy định về việc cắt giảm các hàng rào thuế quan và phi thuế quan; danh mục mặt hàng, lộ trình đưa vào cắt giảm thuế; quy định về quy tắc xuất xứ.

Các FTAs mà Việt Nam đã tham gia ký kết

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã được khởi động từ năm 1986. FTA sớm nhất của Việt Nam là Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), có hiệu lực từ năm 1993. Năm 2007, Việt Nam gia nhập và trở thành thành viên của Tổ chức thương mại Thế giới (WTO) và chính thức bước vào công cuộc tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế.

Tính đến cuối năm 2017, Việt Nam đã ký kết, thực thi và đang đàm phán tổng cộng 16 FTAs; trong đó, 10 FTAs đã được thực thi; 2 FTAs đã kết thúc đàm phán là TPP và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và EU (EVFTA); 4 FTAs đang đàm phán là Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), FTAASEAN - Hồng Kông, FTA với Israel, Khối thương mại tự do châu Âu (EFTA); 2 bản thỏa thuận giữa Bộ Công Thương Việt Nam và Bộ Công Thương Lào, Campuchia về quy tắc xuất xứ cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất nhập khẩu.

Ngay khi các FTA có hiệu lực, có khoảng 85% dòng thuế hàng hóa của Việt Nam khi xuất khẩu sang các nước sẽ được cắt giảm ngay lập tức về mức từ 0-5% và ngược lại. Các dòng thuế còn lại sẽ được giảm theo lộ trình. Nếu thuế suất trung bình giữa các nước thành viên WTO từ 5-25%, thuế suất trung bình trong các cam kết FTA chỉ từ 0-5%. Tuy nhiên, để được hưởng mức ưu đãi thuế quan của các FTA, hàng hóa phải đáp ứng quy tắc xuất xứ được thiết kế riêng cho mỗi FTA.

Các quy tắc xác định xuất xứ cho hàng hóa xuất, nhập khẩu

Theo quy định tại Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa, xuất xứ hàng hóa là nước, nhóm nước, vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hóa hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hóa trong trường hợp có nhiều nước, nhóm nước, vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa đó.

Để xác định xuất xứ hàng hóa cho từng mục đích cụ thể, cần phân biệt Quy tắc xuất xứ ưu đãi (áp dụng cho hàng hóa có cam kết hoặc thỏa thuận ưu đãi về thuế quan và phi thuế quan) và Quy tắc xuất xứ không ưu đãi (áp dụng cho hàng hóa trong các trường hợp áp dụng các biện pháp thương mại không ưu đãi về đối xử tối huệ quốc, chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ, hạn chế số lượng hay hạn ngạch thuế quan, mua sắm chính phủ và thống kê thương mại).

Để được hưởng mức ưu đãi thuế quan của các FTA, hàng hóa phải đáp ứng quy tắc xuất xứ được thiết kế riêng cho mỗi FTA - đây là điều kiện duy nhất mà đơn vị xuất, nhập khẩu phải đáp ứng. Việc xác định xuất xứ hàng hóa xuất, nhập khẩu để được hưởng chế độ ưu đãi về thuế quan và phi thuế quan được áp dụng theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập và theo quy định của Bộ Công Thương hướng dẫn về Điều ước quốc tế đó.

Như vậy, mỗi Hiệp định song phương hoặc đa phương mà Việt Nam đã tham gia ký kết sẽ có những quy định cụ thể về các tiêu chí và phương pháp xác định xuất xứ. Hàng hóa có xuất xứ gồm: xuất xứ thuần túy hoặc không thuần túy.

- Hàng hóa có xuất xứ thuần túy là hàng hóa được sản xuất toàn bộ tại một nước, nhóm nước, vùng lãnh thổ như cây trồng, các sản phẩm từ cây trồng được trồng và thu hoạch tại nước, nhóm nước, vùng lãnh thổ đó; động vật sống được sinh ra và nuôi dưỡng tại nước, nhóm nước, vùng lãnh thổ đó; các sản phẩm từ động vật sống; các sản phẩm thu được từ săn bắn, đặt bẫy, đánh bắt, nuôi trồng, thu lượm hoặc săn bắt tại nước, nhóm nước, vùng lãnh thổ đó...

- Hàng hóa có xuất xứ không thuần túy là hàng hóa không được sản xuất toàn bộ tại một nước,



nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ nhưng đáp ứng các quy định về hàm lượng khu vực, quy tắc mặt hàng cụ thể hoặc được thực hiện chuyển đổi mã số HS,... được quy định trong từng Hiệp định sẽ được coi là hàng hóa có xuất xứ.

Ngoài việc đáp ứng các quy tắc xuất xứ để được hưởng ưu đãi thuế quan, hàng hóa phải được vận chuyển trực tiếp từ lãnh thổ của nước thành viên xuất khẩu đến lãnh thổ của nước thành viên nhập khẩu theo quy định của từng Hiệp định. Đồng thời, hàng hóa xuất, nhập khẩu phải thuộc Danh mục thuế suất ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực

hiện các Hiệp định do Chính phủ công bố và phải có Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) theo quy định.

Như vậy, để có thể được hưởng ưu đãi thuế quan từ Hiệp định, doanh nghiệp cần có C/O, đây là căn cứ pháp lý quan trọng nhất chứng minh xuất xứ của hàng hóa để được xem xét hưởng ưu đãi về thuế quan FTA. Các tiêu chí xác định xuất xứ không thuần túy cần được quan tâm đặc biệt trong việc tìm kiếm nguyên phụ liệu và tăng cường sản xuất tại các nền kinh tế thành viên FTA, đáp ứng các tiêu chí về xuất xứ và được hưởng lợi về ưu đãi thuế quan mà các FTA mang lại. ■

Bảng 1. Các Hiệp định thương mại Việt Nam đã ký kết qua các năm

STT	Hiệp định	Các quốc gia thành viên	Tình trạng hiệu lực
Các FTA đã ký kết và đã có hiệu lực			
1	Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA)	Gồm 10 nước ASEAN: Brunei, Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thái Lan, Việt Nam.	Có hiệu lực từ ngày 01/01/1993.
2	Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc	10 quốc gia thành viên của ASEAN và Trung Quốc.	Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.
3	Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Ấn Độ	10 quốc gia thành viên của ASEAN và Ấn Độ.	Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.
4	Hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản	10 quốc gia thành viên của ASEAN và Nhật Bản.	Có hiệu lực từ ngày 01/12/2008. Riêng đối với Malaysia có hiệu lực từ 01/02/2009.
5	Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Hàn Quốc	10 quốc gia thành viên của ASEAN và Hàn Quốc.	Có hiệu lực từ tháng 6/2007.
6	Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản	Việt Nam, Nhật Bản.	Có hiệu lực từ ngày 01/10/2009.
7	Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Úc/New Zealand	10 quốc gia thành viên ASEAN và Úc, New Zealand.	Có hiệu lực từ ngày 10/01/2012.
8	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Chile	Việt Nam, Chile.	Có hiệu lực từ ngày 01/01/2014.
9	Khu vực mậu dịch tự do Việt Nam - Hàn Quốc	Việt Nam, Hàn Quốc.	Có hiệu lực từ ngày 20/12/2015.
10	Liên minh kinh tế Việt Nam - Á Âu	Việt Nam, Nga, Armenia, Belarus, Kazakhstan và Kyrgyzstan.	Có hiệu lực từ ngày 05/10/2016.
Các FTA đã ký kết nhưng chưa có hiệu lực			
11	Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)	Hoa Kỳ, Canada, Mexico, Peru, Chile, New Zealand, Úc, Nhật Bản, Singapore, Brunei, Malaysia, Việt Nam.	Mỗi bên đang tuân theo các thủ tục thích hợp trong nước để phê chuẩn Hiệp định
12	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU	Việt Nam và các nước thành viên Liên minh châu Âu.	Hiệp định đã kết thúc đàm phán nhưng chưa ký kết
Các FTA đang trong quá trình đàm phán			
13	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EFTA	Việt Nam, Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland và Liechtenstein.	Đang trong quá trình đàm phán.
14	Hiệp định Hợp tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)	10 quốc gia thành viên của ASEAN và Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc, New Zealand.	Đang trong quá trình đàm phán.
15	Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hồng Kông	10 quốc gia thành viên của ASEAN và Hồng Kông.	Đang trong quá trình đàm phán.
16	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Israel	Việt Nam, Israel.	Đang trong quá trình đàm phán.



Bảng 2. Danh mục văn bản của Bộ Công Thương về thực hiện Quy tắc xuất xứ cho từng Hiệp định thương mại

STT	Số ký hiệu/ngày tháng ban hành	Trích yếu	Ghi chú
1	22/2016/TT-BCT ngày 01/10/2016	Thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN.	FORM D
2	12/2007/QĐ-BTM ngày 31/5/2007 (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 36/2010/TT-BCT ngày 15/11/2010; Thông tư số 37/2011/TT-BCT ngày 15/11/2010; Thông tư số 21/2014/TT-BTC ngày 25/6/2014)	Quy chế cấp C/O mẫu E để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định Thương mại hàng hóa thuộc Hiệp định khung về Hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.	FORM E
3	44/2008/QĐ-BCT ngày 08/12/2008	Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu AJ để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản.	FORM AJ
4	15/2010/TT-BCT ngày 15/4/2010	Thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ.	FORM AI
5	20/2014/TT-BCT ngày 25/6/2014 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2015/TT-BCT ngày 16/3/2015)	Quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc.	FORM AK
6	31/2015/TT-BCT ngày 24/9/2015	Quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN - Úc - New Zealand.	FORM AANZ
7	10/2009/TT-BCT ngày 18/5/2009	Thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định về Đối tác Kinh tế giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản.	FORM VJ
8	40/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015	Quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc.	FORM VK
9	31/2013/TT-BCT ngày 15/11/2013 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 05/2015/TT-BCT ngày 27/3/2015)	Quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê.	FORM VC
10	21/2016/TT-BCT ngày 20/9/2016	Quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á - Âu.	FORM EAV
11	04/2010/TT-BCT ngày 25/01/2010	Quy định việc thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Bản Thỏa thuận về Quy tắc xuất xứ áp dụng cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt Nam - Lào giữa Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Công Thương nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.	FORM S
12	17/2011/TT-BCT ngày 14/11/2011	Thực hiện quy tắc xuất xứ trong Bản Thỏa thuận về việc thúc đẩy thương mại song phương giữa Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia áp dụng cho những mặt hàng có xuất xứ từ một bên ký kết được hưởng ưu đãi thuế quan khi nhập khẩu trực tiếp vào lãnh thổ của bên ký kết kia.	FORM X

Bảng 3. Các văn bản quy định về Thuế nhập khẩu

STT	Số ký hiệu/ngày tháng ban hành	Trích yếu
1	158/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017	Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN - Australia - New Zealand giai đoạn 2018-2022.
2	153/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017	Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc giai đoạn 2018-2022.
3	159/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017	Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Ấn Độ giai đoạn 2018-2022.
4	160/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017	Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Nhật Bản giai đoạn 2018-2022.
5	157/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017	Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc giai đoạn 2018-2022.
6	156/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017	Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2018-2022.
7	154/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017	Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Chi Lê giai đoạn 2018-2022.
8	155/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017	Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định giữa Việt Nam và Nhật Bản về đối tác kinh tế giai đoạn 2018-2022.
9	149/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017	Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2018-2022.
10	150/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017	Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu, các nước thành viên giai đoạn 2018-2022.



DANH MỤC NHIỆM VỤ HỖ TRỢ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CHO DOANH NGHIỆP ĐỢT 1 NĂM 2018

(Theo Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu	Dự kiến sản phẩm	Thời gian
I Nhóm nhiệm vụ hỗ trợ thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý					
1	Tổ chức 1 lớp tập huấn, phổ biến kiến thức các chương trình hỗ trợ về KH&CN cho doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Phổ biến các chương trình hỗ trợ về khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp	Khoảng 100 người tham dự lớp tập huấn	2018
2	Tổ chức 1 lớp đào tạo nâng cao nhận thức về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, tăng cường nhận thức, cung cấp kiến thức và kỹ năng về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Khoảng 100 người tham dự lớp đào tạo	
3	Tổ chức 1 chương trình hợp tác, tham quan học tập về hỗ trợ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ tại một số tỉnh phía Bắc	Sở Khoa học và Công nghệ	Hợp tác, học tập kinh nghiệm về phát triển các chương trình quản lý và tài sản trí tuệ thể mạnh của địa phương; các biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại một số tỉnh phía Bắc	Báo cáo kết quả chương trình hợp tác, học tập kinh nghiệm	
II Nhóm nhiệm vụ hỗ trợ theo dự án khoa học và công nghệ					
1	Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận "Cà phê Di Linh" cho nhóm sản phẩm cà phê chế biến và quản lý, phát triển nhãn hiệu chứng nhận	UBND huyện Di Linh	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng bộ hồ sơ đăng ký xác lập quyền nhãn hiệu chứng nhận "Cà phê Di Linh" cho nhóm sản phẩm cà phê chế biến; - Thực hiện tốt công tác quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận; - Góp phần nâng cao giá trị kinh tế đối với sản phẩm đặc trưng thể mạnh của địa phương; - Phát triển thương hiệu nhằm nâng cao giá trị, sức cạnh tranh của sản phẩm đặc trưng thể mạnh của huyện trên thị trường; nâng cao đời sống của người dân vùng sản xuất, kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận đơn hợp lệ; - Xây dựng, ban hành và áp dụng hệ thống văn bản, quy trình, thủ tục về quản lý nhãn hiệu chứng nhận "Cà phê Di Linh"; - Thiết kế, in ấn phẩm giới thiệu, tuyên truyền nhãn hiệu chứng nhận; - Thực hiện các chương trình tuyên truyền, quảng bá phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, huyện; phóng sự, chuyên mục về nhãn hiệu chứng nhận trên các trang báo địa phương, trung ương; - Hỗ trợ xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; - Cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho khoảng 10 đơn vị, cá nhân, doanh nghiệp. 	12 tháng



STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu	Dự kiến sản phẩm	Thời gian
2	Quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm “Tơ lụa Bảo Lộc”	UBND thành phố Bảo Lộc	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tốt công tác quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận; - Góp phần nâng cao giá trị kinh tế sản phẩm đặc trưng, thế mạnh của thành phố Bảo Lộc; - Phát triển thương hiệu, nâng cao giá trị, sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường; nâng cao đời sống người dân vùng sản xuất, kinh doanh tơ lụa, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương; - Nâng cao nhận thức cho người dân, các tổ chức sản xuất, kinh doanh về việc xây dựng, quản lý, phát triển và bảo vệ thương hiệu, giá trị sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo, tập huấn kiến thức sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, thị trường; - Thiết kế, in ấn phẩm giới thiệu, tuyên truyền sản phẩm tơ lụa của thành phố Bảo Lộc; - Thực hiện các chương trình tuyên truyền, quảng bá phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, thành phố; phóng sự, chuyên mục về nhãn hiệu chứng nhận trên các trang báo địa phương, trung ương; - Hỗ trợ xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; - Cấp quyền sử dụng nhãn hiệu cho khoảng 10 đơn vị, cá nhân, doanh nghiệp và phân tích mẫu sản phẩm tơ lụa của các đơn vị đã được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận. 	12 tháng
3	Quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Sầu riêng Đạ Huoai”	UBND huyện Đạ Huoai	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tuyên truyền, quảng bá nhãn hiệu chứng nhận đã được xây dựng; - Xây dựng hệ thống văn bản, quy trình, thủ tục quản lý nhãn hiệu chứng nhận; - Nâng cao nhận thức cho người dân, các tổ chức sản xuất, kinh doanh về việc xây dựng, quản lý, phát triển và bảo vệ thương hiệu, giá trị sản phẩm; - Đào tạo, tập huấn kiến thức sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, thị trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập 1 hệ thống tổ chức để quản lý, kiểm soát nhãn hiệu chứng nhận; - Xây dựng, ban hành, áp dụng hệ thống văn bản, quy trình, thủ tục về quản lý nhãn hiệu chứng nhận; - Đánh giá, cấp quyền sử dụng và hỗ trợ áp dụng thành công việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho khoảng 15 đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn huyện Đạ Huoai; - Thiết kế, in ấn phẩm giới thiệu, tuyên truyền sản phẩm sầu riêng Đạ Huoai; - Thực hiện các chương trình tuyên truyền, quảng bá phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, huyện; phóng sự, chuyên mục về nhãn hiệu chứng nhận trên các trang báo địa phương, trung ương; - Hỗ trợ xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. 	12 tháng

HỢP THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học và công nghệ phục vụ doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ xuất bản định kỳ **Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng** (4 số/năm, 24 trang/số).

Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các tác giả, sự quan tâm của các đơn vị, doanh nghiệp và bạn đọc.

Địa chỉ liên hệ: Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng

Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ
Số 35 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt. Điện thoại: 0263. 3545479 - 3833163.

Email: trungtamthongtinld@gmail.com



CHỦ ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI THÁCH THỨC VỀ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI XUẤT KHẨU

Một nền kinh tế có định hướng xuất khẩu như Việt Nam, với việc tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA) sẽ mở ra cơ hội để các doanh nghiệp trong nước đưa hàng hóa ra thế giới. Tuy nhiên, để tiếp cận các thị trường nước ngoài, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam hiện đang chịu nhiều rào cản, trong đó có các biện pháp phòng vệ thương mại từ các nước.

Thuế giảm, hàng rào thương mại tăng

Từ đầu năm 2017 đến nay, những thách thức trước sự trỗi dậy của làn sóng bảo hộ mậu dịch ngày càng lớn và tác động đến kinh tế toàn cầu, bắt đầu từ việc nước Anh rút khỏi thị trường chung châu Âu, Hoa Kỳ rút khỏi Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TTP) đến hàng loạt các biện pháp bảo hộ hàng hóa của nhiều quốc gia. Chính phủ Hoa Kỳ đưa ra thông điệp ưu tiên sử dụng hàng hóa, lao động trong nước, tạo thuận lợi cho đầu tư trong nước... Chính phủ nhiều nước hiện đang thực hiện chính sách thúc đẩy sản xuất hàng hóa trong nước để thay thế hàng nhập khẩu, thắt chặt các quy định về tỷ lệ nội địa hóa và trợ giá hàng xuất khẩu.

Theo đánh giá của các chuyên gia, khi kinh tế thế giới đi vào giai đoạn giảm tốc thường xuất hiện các biện pháp bảo hộ mậu dịch. Đặc biệt, khi hàng rào thuế quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu đang dần được gỡ bỏ thông qua các FTA, để bảo hộ sản phẩm trong nước, các nền kinh tế lớn có xu hướng dựng lên những rào cản thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu. Biện pháp hữu hiệu nhất là phòng vệ thương mại, có thể là những rào cản về các biện pháp kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm; chống bán phá giá, chống trợ cấp; các rào cản về lý do an ninh, quốc phòng mới xuất hiện gần đây mà Việt Nam chưa phải đối mặt trực diện.

Theo đánh giá của bà Nguyễn Thị Thu Trang, Giám đốc Trung tâm WTO và Hội nhập, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), *“Các biện pháp phòng vệ thương mại chống bán phá giá, chống trợ cấp vẫn là thách thức lớn và có hậu quả lâu dài, khó lường với các doanh nghiệp Việt Nam. Tính đến nay, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam là đối tượng của hơn 100 cuộc điều tra phòng vệ thương mại chống bán phá giá, chống trợ cấp, trong đó, điều tra 78 vụ chống bán phá giá, 12 vụ chống trợ cấp và 17 vụ miễn tránh thuế chống bán phá giá”*.

Hoa Kỳ là một trong những thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam, cũng là nơi hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam phải đối mặt với nhiều vụ điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp và miễn tránh thuế chống bán phá giá. Trong số 78 vụ điều tra chống bán phá giá, thị trường Hoa Kỳ chiếm 20%; 1/2 số vụ điều tra chống trợ cấp là ở thị trường Hoa Kỳ, Ấn Độ, Australia, EU, Thổ Nhĩ Kỳ...

Theo tính toán của VCCI, trong tổng số 78 vụ điều tra chống bán phá giá mà Việt Nam đã và đang phải đối mặt, có 30 vụ liên quan đến mặt hàng thép; gần 3/4 các vụ điều tra chống trợ cấp liên quan đến thép. Nhóm các mặt hàng nông, thủy sản chỉ chiếm 4 vụ. Đây không phải là số lượng lớn, nhưng sẽ là vấn đề đáng quan ngại, bởi hiện nước ta đang đặt mục tiêu đưa hàng hóa nông sản trở thành sản phẩm xuất khẩu mũi nhọn. Bà Nguyễn Thị Thu Trang khẳng định: *“Một nội dung thường không được thống kê trong các vụ kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp, đó là kiện miễn tránh thuế chống bán phá giá. Ví dụ, tại Hoa Kỳ, các vụ kiện miễn tránh thuế chống bán phá giá được tính vào vụ kiện gốc. Có nghĩa, hàng hóa của một quốc gia khi bị kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp sẽ bị áp thuế. Để miễn tránh mức thuế này, hàng hóa của nước xuất khẩu phải đi theo những con đường khác nhau để đến nước nhập khẩu đang áp thuế. Khi quốc gia nhập khẩu nhận thấy tình trạng này, sẽ tiến hành các vụ điều tra để miễn tránh thuế và không tính là vụ kiện mới. Nhưng nếu Việt Nam có liên quan khi là quốc gia bị kiện, thì đây sẽ là vụ mới và bị áp dụng biện pháp miễn tránh thuế”*.

Nâng cao năng lực tự vệ cho các doanh nghiệp

Phòng vệ thương mại mang tính 2 chiều. Thứ nhất, hàng hóa của Việt Nam khi xuất khẩu phải đối mặt với những vụ kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp tại các thị trường nước ngoài. Thứ



hai, hàng hóa nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam thì nước ta có thể áp dụng các biện pháp tương tự. Theo bà Nguyễn Thị Thu Trang, nếu hàng hóa xuất khẩu của nước ta gặp khó ở thị trường nhiều nước, thì hàng hóa nhập khẩu vào nước ta tương đối dễ dàng, bởi các biện pháp phòng vệ thương mại của Việt Nam còn đơn giản. Đến nay, Việt Nam mới thực hiện 9 vụ điều tra phòng vệ thương mại, trong đó có 3 vụ kiện chống bán phá giá đối với mặt hàng thép, 6 vụ thực hiện bằng biện pháp áp thuế tự vệ.

Hiện nay, trào lưu bảo hộ và chủ nghĩa đơn phương vẫn tiếp tục song hành với tiến trình tự do hóa thương mại và có xu hướng ngày càng gia tăng. Điển hình, tại thị trường Hoa Kỳ, quốc gia này đã khởi xướng điều tra 56 vụ chống bán phá giá, chống trợ cấp trong năm 2016; tăng lên 73 vụ trong năm 2017 và gần 60 vụ chỉ trong 6 tháng của năm 2018. Hiện, Hoa Kỳ có hơn 400 lệnh chống bán phá giá và chống trợ cấp có hiệu lực, trong đó 10 lệnh liên quan đến Việt Nam, tập trung chủ yếu vào các mặt hàng thép.

Phần lớn các vụ kiện phòng vệ thương mại đều do các doanh nghiệp sản xuất nội địa khởi xướng, do lo ngại bị đe dọa trong cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu. Như vậy, khi sức cạnh tranh của hàng xuất khẩu càng lớn, nguy cơ bị kiện càng nhiều hơn. Ông Nguyễn Văn Sưa, Phó chủ tịch Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) cho rằng: *“Các vụ việc áp dụng phòng vệ thương mại đặt ra nhiều thách thức cho xuất khẩu, song cũng giúp doanh nghiệp nâng cao ý thức tuân thủ luật pháp quốc tế, thay đổi chiến lược để phát triển bền vững. Ngoài ra, các doanh nghiệp xuất khẩu cũng cần nghiên cứu, bố trí thị trường xuất khẩu hợp lý, tránh tập trung chủ yếu vào một số thị*

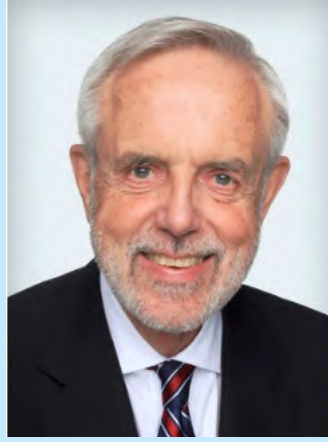
trường, gây ra tình trạng xuất khẩu tăng đột biến, tạo cơ hội cho các nước nhập khẩu khởi xướng điều tra”.

Phòng vệ thương mại là vấn đề pháp lý, hoàn toàn dựa trên những bằng chứng, hồ sơ, tài liệu có được trong quá trình điều tra. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để các nhà sản xuất, doanh nghiệp xuất khẩu của nước ta tham gia hiệu quả vào các cuộc điều tra nếu bị kiện; làm thế nào để có thể thuyết phục cơ quan điều tra các nước nhìn nhận rõ thực tế, đưa ra được các bằng chứng xác thực để có kết quả có lợi nhất cho doanh nghiệp Việt Nam. Trong số các vụ kiện phòng vệ thương mại từ trước đến nay, điểm dễ nhận thấy là công tác kháng kiện của một số ngành hàng, doanh nghiệp chưa hiệu quả. Nhiều chuyên gia cho rằng, việc kháng kiện thành công một vụ việc không đơn giản, cần sự phối hợp chặt chẽ giữa doanh nghiệp, Hiệp hội và Chính phủ.

Theo nhiều chuyên gia kinh tế, các doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động nâng cao nhận thức để có những hiểu biết nhất định về quy trình kiện, các thị trường đang xuất khẩu. Cần chuẩn bị trước về kiến thức, hồ sơ, chứng từ minh bạch, rõ ràng, phù hợp để khi cần có thể chứng minh dễ dàng hơn. Cùng với đó, doanh nghiệp cần chú trọng hơn đến phòng vệ thương mại để kịp thời phòng, tránh các tác động từ phòng vệ thương mại, gây thiệt hại cho doanh nghiệp; chủ động hơn trong nắm bắt thông tin pháp luật, hợp tác đầy đủ với cơ quan điều tra, phối hợp với các bên liên quan trong quá trình theo đuổi các vụ kiện phòng vệ thương mại để chứng minh hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế. ■



Ngày Tiêu chuẩn Thế giới 2018 14.10



James M. Shannon, Chủ tịch IEC Jonh Walter, Chủ tịch ISO Houlin Zhao, Tổng thư ký ITU

Những người đứng đầu ba tổ chức ISO-IEC-ITU đưa ra thông điệp cho Ngày tiêu chuẩn thế giới 2018

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư có thể được mô tả như sự ra đời của một loạt các công nghệ mới, làm mờ ranh giới truyền thống giữa thế giới vật lý, kỹ thuật số và sinh học. Sự gia tăng kết nối của con người và mọi thứ sẽ tác động đến phương thức sản xuất, giao dịch và giao tiếp, giống như sức mạnh hơi nước đã biến đổi phương thức sản xuất và cách sống của nhiều xã hội trong cuộc cách mạng công nghiệp đầu tiên.

Trong thế kỷ 18, sự chuyển đổi từ công việc thủ công sang máy móc, thiết bị đã làm tăng nhu cầu về tiêu chuẩn, ví dụ như để thay thế các chi tiết máy và cho phép sản xuất hàng loạt các linh kiện chuyên dụng.

Ngày nay, tiêu chuẩn sẽ một lần nữa đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi sang kỷ nguyên mới. Tốc độ thay đổi mà chúng ta đang chứng kiến sẽ không thể có được nếu không có tiêu chuẩn. Các nhà sáng tạo dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế, như tiêu chuẩn do IEC, ISO và ITU xây dựng để đảm bảo khả năng tương thích và tương tác; để các công nghệ mới có thể được áp dụng một cách liền mạch. Tiêu chuẩn cũng là một phương tiện để truyền bá kiến thức và đổi mới toàn cầu.

Bên cạnh đó, tốc độ thay đổi nhanh chóng mà cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại cũng chứa đựng những thách thức riêng. Robot và trí tuệ nhân tạo sẽ ngày càng đảm nhiệm nhiều hơn những công việc trước đây do con người thực hiện, công nghệ chế tạo đắp lớp (hay còn gọi là in 3D) sẽ thay đổi phương thức tạo ra hàng hóa và cung cấp khả năng "in mọi thứ" ở nhà và khi mọi thứ từ máy bay đến thiết bị theo dõi trẻ nhỏ được kết nối kỹ thuật số thì lỗi hỏng bảo mật dữ liệu và hậu quả của sự vi phạm về bảo mật dữ liệu cũng tăng theo cấp số nhân. Đây chỉ là một số ví dụ về các vấn đề bộc lộ ở thế hệ công nghệ thông minh mới được đặc trưng bởi: dữ liệu lớn, tích hợp gia tăng, lưu trữ đám mây và truyền thông mở của các thiết bị... Tiêu chuẩn quốc tế là một chuẩn mực để đảm bảo an toàn và giảm thiểu rủi ro như tiêu chuẩn bảo mật có thể giúp cho dữ liệu của chúng ta an toàn hơn và ngăn chặn vấn đề tin tặc; các tiêu chuẩn an toàn cho robot sẽ giúp việc tương tác với con người trở nên dễ dàng hơn.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã bắt đầu nhưng để nắm bắt được đầy đủ tiềm năng của nó đối với sự tiến bộ của xã hội thì tiêu chuẩn là vô cùng cần thiết.

Ngày Tiêu chuẩn Thế giới 2018 **14.10**

Ngày 14-10 hàng năm được ba tổ chức tiêu chuẩn hóa hàng đầu là Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO), Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế (IEC) và Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU) chọn là Ngày Tiêu chuẩn Thế giới, với mục tiêu đề cao vai trò của hoạt động tiêu chuẩn hóa trên thế giới, đồng thời tôn vinh nỗ lực và sự đóng góp của những người đã và đang tham gia vào hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc tế.

Mỗi năm, những người đứng đầu của ba tổ chức đều thống nhất đưa ra một bản thông điệp riêng gắn với chủ đề của từng năm.

Giống như hơn 250 năm trước, các tiêu chuẩn rất quan trọng trong cuộc cách mạng công nghiệp đầu tiên, giờ đây, trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tiêu chuẩn cũng sẽ đóng một vai trò quan trọng tương tự. Chính vì vậy, thông điệp Ngày Tiêu chuẩn thế giới năm 2018 có chủ đề "Tiêu chuẩn quốc tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư - International Standards on The fourth industrial revolution".



Tổ chức Tiêu chuẩn hoá Quốc tế

International Organization for Standardization – ISO



Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế

International Electrotechnical Commission – IEC *



Liên minh Viễn thông Quốc tế

International Telecommunication Union – ITU *

